

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU

Gói thầu:

Gói thầu TV9: Giám sát Thi công công trình HTKT và Mua sắm thiết bị

Dự án:

Khu đô thị số 1, đường Lê Hồng Phong, Thành phố Sông Công (nay thuộc phường Bách Quang và phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên)

Chủ đầu tư:

Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà HUD2
và
Công ty cổ phần liên doanh HT Việt Nam

Đơn vị tư vấn đấu thầu:

Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư TK6

Năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU

Gói thầu:

Gói thầu TV9: Giám sát Thi công công trình HTKT và Mua sắm thiết bị

Dự án:

Khu đô thị số 1, đường Lê Hồng Phong, Thành phố Sông Công (nay thuộc phường Bách Quang và phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên)

Chủ đầu tư:

Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà HUD2
và
Công ty cổ phần liên doanh HT Việt Nam

Đơn vị tư vấn đấu thầu:

Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư TK6

Năm 2026

HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên gói thầu:

TV9: Giám sát Thi công công trình
HTKT và Mua sắm thiết bị

Dự án/dự toán mua sắm:

Khu đô thị số 1, đường Lê Hồng
Phong, thành phố Sông Công (nay
thuộc phường Bách Quang và phường
Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên)

Phát hành ngày:

24 /08/2026

Ban hành kèm theo Quyết định:

Quyết định số 135/QĐ-HUD2-HT
ngày 24 /08/2026 của Liên danh
HUD2-HT Việt Nam

ĐẠI DIỆN TƯ VẤN LẬP HSMT
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ TK6



Giám đốc

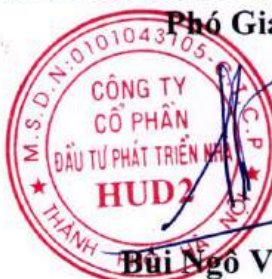
Phan Hiền

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
LIÊN DANH HUD2 – HT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
LIÊN DOANH HT VIỆT NAM
Chủ tịch HĐQT



Trần Xuân Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ HUD2
Phó Giám đốc



Bùi Ngô Việt Cường

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt	Trang 3
Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU	
Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu	Trang 4
Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu	Trang 23
Chương III. Tính hợp lệ và Tiêu chuẩn đánh giá HSDT	Trang 27
Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu	Trang 40
Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU	
Chương V. Điều khoản tham chiếu	Trang 60
Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG	
Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng	Trang 73
Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng	Trang 82
Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng	Trang 88

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp HSDT, mở thầu, đánh giá HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá HSDT. Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của HSDT;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được Chủ đầu tư, tổ chuyên gia mô tả qua các biểu mẫu tương ứng;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính được trích xuất theo phương pháp đánh giá do chủ đầu tư, tổ chuyên gia lựa chọn trong quá trình lập HSMT.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mời thầu, biểu mẫu dự thầu mà chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của HSMT và HSDT.

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Điều khoản tham chiếu bao gồm việc giới thiệu về gói thầu, phạm vi công việc; yêu cầu về báo cáo, thời gian thực hiện, kinh nghiệm, nhân sự của nhà thầu và các yêu cầu cần thiết khác (nếu có); trách nhiệm của chủ đầu tư.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này bao gồm điều khoản chung, áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không thay thế được điều kiện chung của hợp đồng.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư quy định tại BDL phát hành bộ HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ. 1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại BDL.
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận HSDT và được quy định trong TBMT. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại BDL.
4. Hành vi bị cấm	4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức. 4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị HSDT hoặc rút HSDT để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được chủ đầu tư yêu cầu làm rõ HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu; c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu; d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt

động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

e) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát.

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Đấu thầu, bao gồm:

a) Nội dung HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ HSDT của Chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá HSDT; báo cáo của Chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSDT trước khi được công khai theo quy định;

c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;

d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp

	đồng; b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong HSDT mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận; c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này; d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.
5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	5.1. Nhà thầu, nhà đầu tư là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Đối với nhà thầu, nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà thầu, nhà đầu tư nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài; b) Hạch toán tài chính độc lập; c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; d) Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; đ) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại BDL; e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; g) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; h) Có tên trong danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngăn; i) Đối với đấu thầu quốc tế, nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước. trừ trường hợp khác theo quy định của Chính phủ. 5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi

	giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm d, đ, e và h khoản 1 Điều 5, Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023. 5.3. Nhà thầu, nhà đầu tư là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân; b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm e và điểm g khoản 1 Điều này. 5.4. Nhà thầu, nhà đầu tư có tư cách hợp lệ theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 5, Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 được tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh.
6. Nội dung của HSMT	6.1. HSMT bao gồm: TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây: Phần 1. Thủ tục đấu thầu: - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. Phần 2. Điều khoản tham chiếu: - Chương V. Điều khoản tham chiếu. Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng: - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. 6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi chủ đầu tư. HSMT do chủ đầu tư phát hành sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá. 6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của TBMT, HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSDT theo yêu cầu của HSMT cho phù hợp.
7. Sửa đổi, làm rõ HSMT	7.1. Trường hợp sửa đổi HSMT thì chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (website doanh nghiệp và file đính kèm). Việc sửa

	đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 05 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu. 7.2. Trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến chủ đầu tư trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên website doanh nghiệp trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. 7.3. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại BDL. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên website doanh nghiệp; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa chủ đầu tư và nhà thầu phải được chủ đầu tư ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSMT đăng tải trên website doanh nghiệp trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ HSDT của nhà thầu. 7.4. Trường hợp HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMT. 7.5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin để kịp thời làm rõ HSMT theo đề nghị của nhà thầu. 7.6. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên website doanh nghiệp để cập nhật thông tin về việc sửa đổi HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên website doanh nghiệp dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi HSMT, thời điểm đóng thầu, thời gian thương thảo hợp đồng và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.
8. Chi phí dự thầu	Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp HSDT theo quy định tại BDL. Trong mọi trường hợp, chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.

9. Ngôn ngữ của HSDT	HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của HSDT	HSDT bao gồm HSDXKT và HSDXTC: 10.1. HSDXKT bao gồm các thành phần sau đây: - Đơn dự thầu trong HSDXKT được lập theo quy định tại Mục 11 CDNT; - Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); - Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 CDNT và các Mẫu thuộc Chương IV; 10.2. HSDXTC bao gồm các thành phần sau đây: - Đơn dự thầu trong HSDXTC theo Mẫu số 11 Chương IV ; - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 CDNT và Mục 12 CDNT. 10.3. Các nội dung khác theo quy định tại BDL.
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được lập trước khi nộp HSDT.
12. Giá dự thầu và giảm giá	12.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc HSDXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng hợp chi phí. 12.2. Việc phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia được thực hiện theo quy định tại BDL.
13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
14. Đề xuất kỹ thuật	14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có). 14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.
15. Thời hạn	15.1. HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại BDL .

có hiệu lực của HSDT	15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT.
16. Thời điểm đóng thầu	16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại TBMT. 16.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.
17. Quy cách HSDT và chữ ký trong HSDT	17.1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và một số bản chụp HSDT theo quy định tại BDL và ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" tương ứng. 17.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trong quá trình đánh giá, nếu bên mời thầu phát hiện bản chụp có lỗi kỹ thuật như chụp nhòe, không rõ chữ, chụp thiếu trang hoặc các lỗi khác thì lấy nội dung của bản gốc làm cơ sở. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. 17.3. HSDT phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT và các biểu mẫu khác phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký theo hướng dẫn tại Phần thứ hai và Phần thứ ba. 17.4. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về mặt pháp lý, văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của các đại diện hợp pháp của tất cả thành viên trong liên danh. 17.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.
18. Niêm phong và cách ghi trên túi đựng HSDT	18.1. HSDT bao gồm bản gốc và các bản chụp của HSDXKT phải được đựng trong túi có niêm phong và ghi rõ " Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật " phía bên ngoài túi. Tương tự, bản gốc và bản chụp của HSDXTC cũng phải được đựng trong túi có niêm phong, ghi rõ " Hồ sơ đề xuất về tài chính " cùng với dòng cảnh báo " Không mở cùng thời điểm mở Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật ". Túi đựng HSDXKT và túi đựng HSDXTC cần được đóng gói trong một túi và niêm phong (cách niêm phong do nhà thầu tự quy định). Cách

	trình bày các thông tin trên túi đựng HSDT được quy định trong BDL. 18.2. Trong trường hợp HSDXKT và HSDXTC gồm nhiều tài liệu, nhà thầu cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDXKT, HSDXTC của bên mời thầu được thuận tiện, đảm bảo sự toàn vẹn của HSDXKT và HSDXTC, tránh thất lạc, mất mát. Trường hợp cần đóng gói thành nhiều túi để dễ vận chuyển thì trên mỗi túi phải ghi rõ số thứ tự từng túi trên tổng số túi và ghi rõ thuộc HSDXKT hay HSDXTC để đảm bảo tính thống nhất và từng túi cũng phải được đóng gói, niêm phong và ghi theo đúng quy định tại Mục này. 18.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định trong HSMT như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển tới bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn tại Khoản 1 và Khoản 2 Mục này. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng chỉ dẫn tại Khoản 1 và Khoản 2 Mục này.
19. Thời hạn nộp HSDT	19.1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu quy định tại BDL. Bên mời thầu tiếp nhận HSDT của tất cả nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu tham dự thầu chưa mua hoặc nhận HSMT từ bên mời thầu. 19.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu trong trường hợp cần tăng thêm số lượng HSDT hoặc khi sửa đổi HSMT theo Mục 7 Chương này hoặc theo yêu cầu của nhà thầu khi bên mời thầu xét thấy cần thiết. 19.3. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, bên mời thầu sẽ thông báo trên website Chủ đầu tư; Khi thông báo, bên mời thầu sẽ ghi rõ thời điểm đóng thầu mới để nhà thầu có đủ thời gian sửa đổi hoặc bổ sung HSDT (bao gồm cả hiệu lực của HSDT) theo yêu cầu mới. Nhà thầu đã nộp HSDT có thể nhận lại để sửa đổi, bổ sung HSDT của mình. Trường hợp nhà thầu chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDT thì bên mời thầu quản lý HSDT đó theo chế độ quản lý hồ sơ “mật”.
20. HSDT nộp muộn	HSDT được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu sẽ không được mở, không hợp lệ, bị loại và được trả lại cho nhà thầu theo nguyên trạng. Bất kỳ tài liệu nào được nhà thầu gửi đến sau thời điểm đóng thầu để sửa đổi, bổ sung HSDT đã nộp đều không hợp lệ, trừ tài liệu nhà thầu gửi đến để làm rõ HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu quy định tại Chương này.

21. Sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT	21.1. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút, thay thế hoặc sửa đổi HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, kèm theo nội dung thay thế hoặc sửa đổi HSDT. Trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền hợp lệ theo quy định. Mọi thông báo phải được nhà thầu chuẩn bị và nộp cho bên mời thầu theo quy định tại Mục 18 (Niêm phong và cách ghi trên túi đựng HSDT) Chương này, trên túi đựng văn bản thông báo phải ghi rõ “RÚT HỒ SƠ DỰ THẦU” hoặc “THAY THẾ HỒ SƠ DỰ THẦU” hoặc “SỬA ĐỔI HỒ SƠ DỰ THẦU”. Bên mời thầu phải nhận được thông báo này của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19 (Thời hạn nộp HSDT) Chương này. 21.2. HSDT mà nhà thầu yêu cầu rút lại theo Khoản 1 Mục này sẽ được trả lại cho nhà thầu theo nguyên trạng. Nhà thầu không được rút, thay thế hoặc sửa đổi HSDT sau thời điểm đóng thầu cho đến khi hết hạn hiệu lực của HSDT nêu trong đơn dự thầu hoặc đến khi hết hạn hiệu lực đã gia hạn của HSDT
22. Mở HSDXKT	22.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở HSDXKT và công khai biên bản mở HSDXKT trên website doanh nghiệp trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp HSDT, chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp HSDT, chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy TBMT này và đăng tải TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 22.2. Biên bản mở HSDXKT được đăng tải công khai trên website doanh nghiệp, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số TBMT; - Tên gói thầu; - Tên chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. b) Thông tin về các nhà thầu tham dự: - Tên nhà thầu; - Thời gian có hiệu lực của HSDXKT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
23. Làm rõ HSDT	23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu. Tất cả yêu cầu làm rõ của bên mời thầu và phản hồi của nhà thầu phải được thực hiện bằng văn bản. Việc

	làm rõ chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ, bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. Tài liệu làm rõ HSDT được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT. 23.2. Trong văn bản yêu cầu làm rõ quy định thời hạn làm rõ của nhà thầu. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà bên mời thầu không nhận được văn bản làm rõ, hoặc nhà thầu có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời thầu thì bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo thông tin nêu tại HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. 23.3. Đối với HSDXKT, việc làm rõ được thực hiện trong quá trình đánh giá HSDXKT nêu tại Mục 22 và Mục 23 Chương này. Trường hợp HSDXKT của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện HSDXKT thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến bên mời thầu trong khoảng thời gian quy định tại BDL để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi là một phần của HSDXKT. Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc đã nhận được các tài liệu bổ sung làm rõ của nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. 23.4. Đối với HSDXTC, việc làm rõ được thực hiện trong quá trình đánh giá HSDXTC nêu tại Mục 25 Chương này.
24. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDXKT	24.1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDXKT, bao gồm: a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDXKT quy định tại Khoản 1 Mục 17 Chương này; b) Kiểm tra các thành phần của HSDXKT, bao gồm: - Đơn dự thầu thuộc HSDXKT theo quy định tại Mục 11 Chương này; - Thỏa thuận liên danh (nếu có) theo quy định tại Mục 11 Chương này; - Giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có) theo quy định Mục 11 Chương này; - Các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 5 Chương này; - Đề xuất về kỹ thuật; - Các thành phần khác thuộc HSDXKT;

	- Các phụ lục, tài liệu kèm theo HSĐXKT được quy định tại BDL. c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐXKT. 24.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐXKT: HSĐXKT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung quy định tại Mục 1 Chương III. 24.3. Nhà thầu có HSĐXKT hợp lệ sẽ được đánh giá chi tiết về kỹ thuật theo quy định tại Mục 25 Chương này.
25. Đánh giá chi tiết HSĐXKT.	25.1. Tổ chuyên gia áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại BDL để đánh giá HSĐXKT. 25.2. Quy trình đánh giá HSĐXKT như sau: a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III: - Bên mời thầu đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung: + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia đấu thầu của Nhà thầu thông qua thông tin cập nhật trên hệ thống đấu thầu quốc gia. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Đối với nội dung về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của nhà thầu, nhà thầu phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp HSDT. - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. b) Bước 2: Tổ chuyên gia đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Chương III: - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong HSDT để đánh giá. Trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hợp đồng tương tự hoặc thông tin hợp đồng tương tự kê khai trong tài liệu đính kèm HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc.

	- Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở tài liệu đính kèm.. - Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai trong HSDT. Đối với một vị trí nhân sự chủ chốt, HSDT chào thừa hoặc thiếu số lượng theo yêu cầu của HSMT thì không đáp ứng về kỹ thuật. - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở HSDXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 24 CDNT và Mục 25 CDNT. - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật: nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất được mở HSDXTC theo quy định tại Mục 27 CDNT để thương thảo theo quy định tại Mục 31 CDNT. - Nhà thầu có HSDXKT không đáp ứng sẽ không được mở HSDXTC để đánh giá. - Chủ đầu tư đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên trang thông tin chủ đầu tư hoặc báo đấu thầu. 25.3. Nguyên tắc đánh giá HSDXKT: Tổ chuyên gia đánh giá các nội dung bao gồm: tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của HSMT thì Tổ chuyên gia sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận.
26. Mở HSDXTC	26.1. HSDXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất (đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật) sẽ được chủ đầu tư tiến hành mở và công khai trên website doanh nghiệp. 26.2. Biên bản mở HSDXTC được đăng tải công khai trên website doanh nghiệp, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số TBMT; - Tên gói thầu; - Tên chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; b) Thông tin về các nhà thầu được mở HSDXTC: - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu;

	- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) - Điểm kỹ thuật của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, điểm kỹ thuật của nhà thầu xếp thứ nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; - Thời gian có hiệu lực của HSDXTC; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
27. Đánh giá HSDXTC	1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDXTC, bao gồm: a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDXTC; b) Kiểm tra các thành phần của HSDXTC, bao gồm: Đơn dự thầu thuộc HSDXTC; bảng tổng hợp chi phí, bảng thù lao cho chuyên gia; bảng phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia (nếu có); các thành phần khác thuộc HSDXTC; c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDXTC. 2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDXTC: HSDXTC của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung quy định tại Mục 1 Chương III. 3. Đánh giá chi tiết HSDXTC: a) Việc đánh giá chi tiết HSDXTC được thực hiện trên cùng một mặt bằng về thuế nêu tại BDL và theo TCDG quy định tại Chương III. Trong quá trình đánh giá HSDXTC, bên mời thầu tiến hành sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch của HSDXTC theo quy định tại Mục 28 và Mục 29 Chương này. b) Sau khi đánh giá chi tiết HSDXTC, nhà thầu xếp hạng thứ nhất theo quy định tại BDL được xem xét, mời vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 31 Chương này.
28. Sửa lỗi	28.1. Sửa lỗi là việc sửa những sai sót trong HSDT bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây: a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. b) Các lỗi khác: - Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì

	giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Mục 29 Chương này; - Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSMT; - Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất về tài chính thì nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi; - Trường hợp có khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý; - Trường hợp không nhất quán giữa bảng tổng hợp chi phí và bảng thù lao cho chuyên gia, chi phí khác cho chuyên gia thì lấy bảng thù lao cho chuyên gia sau khi được sửa lỗi theo bảng phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia (nếu có), chi phí khác cho chuyên gia làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. - Trường hợp có khác biệt giữa giá ghi trong đơn dự thầu (không kể giảm giá) và giá trong bảng tổng hợp chi phí thì căn cứ vào giá ghi trong bảng tổng hợp chi phí sau khi bảng này được sửa lỗi theo quy định tại Mục này. 28.2. Sau khi sửa lỗi theo quy định tại Khoản 1 Mục này, bên mời thầu thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi đối với HSDT của nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận kết quả sửa lỗi thì HSDT của nhà thầu đó sẽ bị loại.
29. hiệu chỉnh sai lệch	29.1. Trường hợp HSDT chào thiếu hoặc thừa nội dung so với yêu cầu của HSMT thì phải tiến hành hiệu chỉnh sai lệch. Việc hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên nguyên tắc bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. 29.2. Sau khi hiệu chỉnh sai lệch, bên mời thầu thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDT của nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo ý kiến của mình cho bên mời thầu về kết quả hiệu chỉnh sai lệch. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận kết quả hiệu chỉnh sai lệch thì phải nêu rõ lý do để bên mời thầu xem xét, quyết định.
30. Bảo mật	30.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu. 30.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT, đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với chủ đầu tư, thành viên tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và

	các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.
31. Thương thảo Hợp đồng	31.1. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây: a) Báo cáo đánh giá HSDT; b) HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu; c) HSMT. 31.2. Thời gian tiến hành thương thảo được quy định tại BDL. 31.3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng: a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà thầu đã đề xuất theo đúng yêu cầu của HSMT; b) Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong HSDT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSDT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu. 31.4. Nội dung thương thảo hợp đồng: a) Nhiệm vụ và phạm vi công việc chi tiết của nhà thầu cần thực hiện; b) Chuyển giao công nghệ và đào tạo (nếu có); c) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự; d) Tiến độ; đ) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có); e) Bố trí điều kiện làm việc; g) Thương thảo về chi phí DVTV trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế của Việt Nam (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng; h) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT với nhau dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng; i) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu; k) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác. 31.5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; DKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng.

	31.6. Trường hợp nhà thầu không đến thương thảo theo thời gian quy định tại Khoản 2 Mục này hoặc thương thảo nhưng không thành công; bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại Luật Đấu thầu.
32. Điều kiện xem xét trúng thầu	Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 32.1. Có HSDT hợp lệ; 32.2. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu; 32.3. Có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp giá cố định và phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá; 32.4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại BDL.
33. Quyền của Chủ đầu tư đề xuất chấp nhận, loại bỏ HSDT hoặc hủy đấu thầu	Bên mời thầu được quyền đề xuất chấp nhận, loại bỏ HSDT hoặc hủy đấu thầu trên cơ sở tuân thủ Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thực hiện.
34. Thông báo Kết quả lựa chọn nhà thầu	34.1. Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, bên mời thầu đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên Website doanh nghiệp hoặc Báo đấu thầu, đồng thời gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu tới các nhà thầu tham dự thầu (bao gồm cả nhà thầu trúng thầu và nhà thầu không trúng thầu). Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm: a) Tên nhà thầu trúng thầu; b) Giá trúng thầu; c) Loại hợp đồng; d) Thời gian thực hiện hợp đồng; đ) Các nội dung cần lưu ý (nếu có); e) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu; g) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn. 34.2. Bên mời thầu gửi thông báo trúng thầu bằng văn bản đến nhà thầu trúng thầu kèm theo dự thảo hợp đồng theo Mẫu hợp đồng tại Chương VI đã được ghi các thông tin cụ thể của gói thầu và kế hoạch hoàn thiện hợp đồng, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm và những vấn đề cần trao đổi khi hoàn thiện hợp đồng.
35. Hoàn thiện	Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:

và ký kết hợp đồng	35.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây: a) Dự thảo hợp đồng; b) Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt; d) Biên bản thương thảo hợp đồng; đ) Các nội dung nêu trong HSDT và văn bản giải thích làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có); e) Các yêu cầu nêu trong HSMT. 35.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại BDL, nhà thầu trúng thầu phải gửi cho bên mời thầu văn bản chấp thuận hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Trường hợp liên danh, hợp đồng được ký kết phải bao gồm chữ ký của tất cả thành viên trong liên danh. Quá thời hạn nêu trên, nếu bên mời thầu không nhận được văn bản chấp thuận hoặc nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 29 Chương này. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được bên mời thầu yêu cầu gia hạn hiệu lực HSDT, nếu cần thiết. 35.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì bên mời thầu đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để các chủ đầu tư, bên mời thầu có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo. 35.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng.
36. Kiến nghị trong đấu thầu	36.1. Nhà thầu tham dự thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu khi thấy quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng. 36.2. Kiến nghị về những vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu mà không phải về kết quả lựa chọn nhà thầu được giải quyết như sau: a) Nhà thầu gửi văn bản kiến nghị đến chủ đầu tư từ khi xảy ra sự việc đến trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu; b) Đơn kiến nghị phải được gửi trước tiên đến chủ đầu tư theo tên, địa chỉ nêu tại BDL. Chủ đầu tư có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu; c) Trường hợp chủ đầu tư không có văn bản giải quyết kiến nghị hoặc nhà thầu không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà thầu có quyền gửi văn bản kiến nghị đến người có thẩm

	quyền theo tên, địa chỉ nêu tại BDL trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư; d) Người có thẩm quyền có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu. 36.3. Kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu được giải quyết như sau: a) Nhà thầu gửi văn bản kiến nghị đến chủ đầu tư trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu; b) Chủ đầu tư có văn bản giải quyết kiến nghị gửi nhà thầu trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu; c) Trường hợp chủ đầu tư không có văn bản trả lời hoặc nhà thầu không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà thầu có quyền gửi văn bản kiến nghị đồng thời đến người có thẩm quyền và Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư. Nhà thầu phải nộp một khoản chi phí là 0,02% giá dự thầu của nhà thầu có kiến nghị nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng cho bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn nêu tại BDL. Trường hợp nhà thầu có kiến nghị được kết luận là đúng thì chi phí do nhà thầu nộp sẽ được hoàn trả bởi cá nhân, tổ chức có trách nhiệm liên đới; d) Khi nhận được văn bản kiến nghị, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị có quyền yêu cầu nhà thầu, chủ đầu tư, bên mời thầu và các cơ quan liên quan cung cấp thông tin để xem xét và có văn bản báo cáo người có thẩm quyền về phương án, nội dung trả lời kiến nghị trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu; đ) Người có thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị. 36.4. Nhà thầu có quyền khởi kiện ngay ra Tòa án vào bất kỳ thời gian nào, kể cả đang trong quá trình giải quyết kiến nghị hoặc sau khi đã có kết quả giải quyết kiến nghị. Nhà thầu đã khởi kiện ra Tòa án thì không gửi kiến nghị đến chủ đầu tư, người có thẩm quyền. Trường hợp đang trong quá trình giải quyết kiến nghị theo quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Mục này mà nhà thầu khởi kiện ra Tòa án thì việc giải quyết kiến nghị được chấm dứt ngay;
37. Xử lý vi phạm trong đấu thầu	37.1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích

	hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. 37.2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Khoản 1 Mục này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu còn bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu và đưa vào danh sách các nhà thầu vi phạm trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. 37.3. Trường hợp vi phạm dẫn tới bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu, nhà thầu vi phạm có thể bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với các dự án, gói thầu thuộc thẩm quyền quản lý của người có thẩm quyền hoặc trong một Bộ, ngành, địa phương hoặc trên phạm vi toàn quốc theo quy định tại Luật đấu thầu. 37.4. Công khai xử lý vi phạm: a) Quyết định xử lý vi phạm được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan, đồng thời gửi đến Bộ Tài Chính để theo dõi, tổng hợp; b) Quyết định xử lý vi phạm được đăng tải trên Báo đấu thầu, hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
38. Tham gia theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu	Người có thẩm quyền cử cá nhân hoặc đơn vị nêu tại BDL tham gia giám sát, theo dõi quá trình lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu này. Trường hợp nhà thầu phát hiện hành vi, nội dung trong lựa chọn nhà thầu không phù hợp quy định của pháp luật về đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo với cá nhân hoặc đơn vị nêu trên.

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

CDNT 1.1	Tên chủ đầu tư: Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà HUD2 và Công ty cổ phần liên doanh HT Việt Nam
CDNT 1.2	Tên gói thầu: Gói thầu TV9: Giám sát Thi công công trình HTKT và Mua sắm thiết bị Tên dự án/dự toán mua sắm: Khu đô thị số 1 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Sông Công (nằm thuộc phường Bách Xuyên và phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên)
CDNT 3	Nguồn vốn: Nguồn vốn tự có của Chủ đầu tư, vốn vay tín dụng và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác
CDNT 5.1 (đ)	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: <i>Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà HUD2, địa chỉ Số 777, đường Giải Phóng, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội</i> <i>Công ty cổ phần liên doanh HT Việt Nam, địa chỉ Số 351 đường Bắc Kạn, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên</i> + Trường hợp nhà thầu, chủ đầu tư là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước, nhà thầu được tham dự gói thầu của chủ đầu tư nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu đó thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước. + Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với chủ đầu tư, trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó; các đơn vị sự nghiệp công lập có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý. + Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: + Tư vấn lập HSMT: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư TK6 - Địa chỉ: Số 139, ngõ 266, phố Đội Cấn, phường Cống Vị, thành phố Hà Nội + Tư vấn thẩm định HSMT: ____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]; + Tư vấn đánh giá HSDT: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư TK6

	Địa chỉ: Số 139, ngõ 266, phố Đội Cấn, phường Công Vị, thành phố Hà Nội + Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: <u> </u> [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]; + Tư vấn kiểm định, giám sát thực hiện hợp đồng: <u> </u> [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]; + Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: <u> </u> [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]; + Tư vấn khác: <u> </u> [tùy theo tính chất tư vấn của gói thầu này để quy định về bảo đảm cạnh tranh cho phù hợp quy định tại Điều 6 của Luật Đấu thầu. Ví dụ: gói thầu tư vấn này là tư vấn giám sát cho một gói thầu xây lắp thì cần quy định nhà thầu tham dự thầu phải độc lập với nhà thầu xây lắp]. Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)¹. Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau: $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ Trong đó: X_i: Là tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Y_i: Là tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Là số thành viên tham gia trong liên danh.
CDNT 7.3	Hội nghị tiền đấu thầu: Không
CDNT 8	Chi phí nộp HSDT: 0VNĐ
CDNT 10.3	Nhà thầu phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây: - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ. * Báo cáo tài chính 2025 và bản chụp được chứng thực của một trong các tài liệu sau: - Biên bản kiểm tra quyết toán thuế của nhà thầu trong năm 2025;

¹ Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

	- Tờ khai quyết toán thuế có xác nhận của cơ quan quản lý thuế hoặc tờ khai quyết toán thuế điện tử và tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ nộp thuế phù hợp với tờ khai năm 2025; - Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế trong 2025; - Báo cáo kiểm toán 2025
CDNT 12.2	Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: Không yêu cầu
CDNT 15.1	Thời hạn hiệu lực của HSDT: ≥ 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 17.1	Số lượng HSDT phải nộp: - 01 bản gốc; - 02 bản chụp.
CDNT 18.1	Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDT (HSDXKT và HSDXTC): Nhà thầu phải ghi rõ các thông tin sau trên túi đựng HSDT: - Tên, địa chỉ, điện thoại của nhà thầu: _____ - Địa chỉ nộp HSDT: _____ [Ghi tên, địa chỉ của bên mời thầu] - Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu] - Không được mở trước 14h30, ngày 04 tháng 09 năm 2026 <i>[Trường hợp sửa đổi HSDT (HSDXKT, HSDXTC), ngoài các nội dung nêu trên còn phải ghi thêm dòng chữ "Hồ sơ dự thầu (hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, hồ sơ đề xuất về tài chính) sửa đổi"]</i>.
CDNT 19.1	Thời điểm đóng thầu: 14 giờ 00, ngày 04 tháng 09 năm 2026.
CDNT 24.1	Các phụ lục, tài liệu kèm theo HSDXKT: Giám sát trưởng, giám sát viên là nhân sự của Nhà thầu, có chứng chỉ hành nghề phù hợp với công việc đảm nhận. Tất cả các chứng chỉ hành nghề phải còn hiệu lực và được chứng thực.
CDNT 25.1	Phương pháp đánh giá HSDT là: phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá Đánh giá về kỹ thuật: Chấm điểm Đánh giá về giá: Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá
CDNT 27.3 (a)	Mặt bằng về thuế: giá dự thầu đã bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.
CDNT 27.3 (b)	Nhà thầu xếp hạng thứ nhất là: Nhà thầu có điểm kỹ thuật cao nhất và có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) không vượt giá gói thầu
CDNT 31.2	Thời gian nhà thầu đến thương thảo hợp đồng muộn nhất là 05 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng.
CDNT 32.4	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: 1.973.951.000 VNĐ Bao gồm thuế VAT 8%, chi phí dự phòng 5% cho các yếu tố rủi ro về

	khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho nhà thầu.
CDNT 35.2	Nhà thầu phải gửi văn bản chấp thuận hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn tối đa 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.
CDNT 36.2 (b)	Địa chỉ nhận đơn kiến nghị: - Địa chỉ của Chủ đầu tư: Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà HUD2 và Công ty cổ phần liên doanh HT Việt Nam. + Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà HUD2, địa chỉ: Số 777, đường Giải Phóng, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội. + Công ty cổ phần liên doanh HT Việt Nam, địa chỉ: Số 351 đường Bắc Kạn, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.
CDNT 36.2 (c)	Địa chỉ nhận đơn kiến nghị người có thẩm quyền: - Địa chỉ của Chủ đầu tư: Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà HUD2 và Công ty cổ phần liên danh HT Việt Nam. + Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà HUD2, địa chỉ: Số 777, đường Giải Phóng, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội. + Công ty cổ phần liên doanh HT Việt Nam, địa chỉ: Số 351 đường Bắc Kạn, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.
CDNT 38	Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị theo quy trình sau: Nhà thầu, cơ quan, tổ chức, gửi Công văn theo đường bưu điện hoặc trực tiếp trao đổi với: + Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà HUD2, địa chỉ: Số 777, đường Giải Phóng, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội. + Công ty cổ phần liên doanh HT Việt Nam, địa chỉ: Số 351 đường Bắc Kạn, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

Chương III.

TÍNH HỢP LỆ CỦA HSDT VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT

1. HSDXKT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSDXKT;

b) Có đơn dự thầu thuộc HSDXKT được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo quy định tại Chương I; trong đơn dự thầu, nhà thầu phải nêu rõ thời gian thực hiện gói thầu phù hợp với đề xuất về kỹ thuật. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Hiệu lực của HSDXKT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Chương I;

d) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDXKT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);

đ) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có);

e) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Chương I;

Nhà thầu có HSDXKT hợp lệ sẽ được đánh giá chi tiết về kỹ thuật. Nhà thầu có HSDXKT không hợp lệ sẽ bị loại, không được đánh giá tiếp.

2. HSDXTC của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSDXTC;

b) Có đơn dự thầu thuộc HSDXTC được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo quy định tại Chương I; giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp chi phí, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu

phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Hiệu lực của HSDXTC đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Chương I.

Nhà thầu có HSDXTC hợp lệ sẽ được đánh giá chi tiết về tài chính. Nhà thầu có HSDXTC không hợp lệ sẽ bị loại, không được đánh giá tiếp.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

2.1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết (nếu cần thiết) của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào phạm vi công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

Bảng số 01

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu	10		7
1.1	Số năm hoạt động trong lĩnh vực tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (kèm theo bản sao chứng thực hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đầu tiên, biên bản nghiệm thu hoàn thành, hóa đơn giá trị gia tăng, tài liệu chứng minh loại công trình). Trường hợp liên danh dự thầu, số năm kinh nghiệm sẽ xét theo số năm kinh nghiệm của nhà thầu đứng đầu liên danh. Tài liệu chứng minh là bản sao chứng thực các tài liệu sau: - Hợp đồng tương tự của công trình đầu tiên; - Biên bản nghiệm thu công tác tư vấn Giám sát	5		

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1.1.1	<i>Có kinh nghiệm > 5 năm</i>		5	
1.1.2	<i>Từ 3 năm đến 5 năm</i>		3,5	
1.1.3	<i>< 3 năm</i>		0	
1.2	Số lượng hợp đồng về tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III trở lên trong vòng 05 năm trở lại đây tính đến thời điểm đóng thầu (cung cấp bản sao chứng thực hợp đồng, biên bản nghiệm thu hoàn thành, bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành hoặc tương đương hoặc hóa đơn giá trị gia tăng, tài liệu chứng minh loại và cấp công trình). Nếu là nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải đáp ứng tương ứng với phần công việc đảm nhận trong liên danh và chấm điểm dựa trên mức độ đáp ứng của tất cả các thành viên trong liên danh.	5		
1.2.1	<i>+ 02 hợp đồng giám sát về công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III trở lên</i>		5	
1.2.2	<i>+ 01 hợp đồng giám sát về công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III trở lên</i>		3,5	
1.2.3	<i>Không có hợp đồng nào hoặc có hợp đồng nhưng không tương ứng với công việc đảm nhận trong liên danh (trường hợp là nhà thầu liên danh) hoặc hợp đồng không đạt yêu cầu</i>		0	
2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu	5		
2.1	a. Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu: Trừ trường hợp nhà thầu đồng thời được xếp thứ nhất ở nhiều gói thầu hoặc do bất khả kháng, nhà thầu bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu khi thực hiện các hành vi sau: - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có); - Nhà thầu đã đối chiếu tài liệu, thương thảo	5		

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	hợp đồng (nếu có) nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại Điều 34 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng; - Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung; - Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng. b. Uy tín của nhà thầu thông qua kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu: - Nhà thầu có hợp đồng vi phạm tiến độ bị chủ đầu tư xử phạt vi phạm hợp đồng; - Nhà thầu có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu. c. Trường hợp nhà thầu liên danh: Từng thành viên liên danh phải đảm bảo yêu cầu này			
2.1.1	<i>Có cam kết không vi phạm các nội dung theo yêu cầu và không có tên trong danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm (đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia)</i>		5	
2.1.2	<i>Không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không đủ đầy nội dung theo yêu cầu hoặc có tên trong danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm (đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia)</i>		0	
3	Giải pháp và phương pháp luận	35		24,5
3.1	Am hiểu về mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ của gói thầu đã nêu trong điều khoản tham chiếu	5		
3.1.1	<i>Am hiểu rõ, đầy đủ về phạm vi, quy mô của dự án, mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ của gói thầu đã nêu trong điều khoản tham chiếu. Khuyến khích khảo sát hiện trường dự án (nếu có), hiểu rõ mối quan hệ giữa Tổ chức tư vấn, Nhà thầu với Chủ đầu tư và địa phương. Quyền và nghĩa vụ của tư vấn giám sát</i>		5	
3.1.2	<i>Am hiểu về mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ của gói thầu đã nêu trong điều khoản tham chiếu,</i>		3 - 4	

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>nhưng trình bày sơ sài, không chi tiết</i>			
3.1.3	<i>Trình bày lan man, không hiểu biết về các nội dung của gói thầu</i>		0	
3.2	Phương pháp luận và giải pháp thực hiện	15		
3.2.1	Phương pháp luận và giải pháp thực hiện hoàn chỉnh, hợp lý. - Có đầy đủ các giải pháp đề xuất cho các hạng mục công việc của gói thầu. Các đề xuất giải pháp hợp lý và tuân thủ quy định hiện hành của Nhà nước về công tác giám sát. - Có sự phân công cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất thực hiện gói thầu		15	
3.2.2	- Phương pháp luận và giải pháp thực hiện chưa hoàn chỉnh, chưa đầy đủ, chưa hợp lý, chưa tuân thủ quy định hiện hành - Phân công cho các chuyên gia tư vấn đề xuất thực hiện gói thầu không hợp lý, khả thi.		10 - 12	
3.2.3	- Phương pháp luận và giải pháp thực hiện không hoàn chỉnh, không đầy đủ, chưa hợp lý hoặc không trình bày phương pháp luận - Không có sự phân công cho các chuyên gia tư vấn thực hiện gói thầu		0	
3.3	Kế hoạch triển khai: Kế hoạch triển khai được mô tả cụ thể, rõ ràng bao gồm tất cả các nhiệm vụ, kế hoạch triển khai phù hợp với phương pháp luận và tiến độ.	5		
3.3.1	- Kế hoạch công việc bao gồm tất cả nhiệm vụ để thực gói thầu. Mỗi một nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp với phương pháp luận và tiến độ dự kiến. Có sơ đồ và tiến độ kế hoạch triển khai, tiến độ nộp báo cáo đúng 240 ngày.		5	
3.3.2	- Có kế hoạch công việc bao gồm các nhiệm vụ để thực hiện gói thầu. Có mô tả mỗi một nhiệm vụ cụ thể nhưng sơ sài phù hợp với phương pháp luận và tiến độ dự kiến. Có sơ đồ và tiến độ kế hoạch triển khai tuy nhiên không rõ ràng, chi tiết đúng 240 ngày		3 - 4	
3.3.3	- Không có hoặc có kế hoạch công việc bao		0	

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>gồm các nhiệm vụ để thực hiện gói thầu nhưng không mô tả từng nhiệm vụ cụ thể. Không có sơ đồ và tiến độ kế hoạch triển khai đúng 240 ngày</i>			
3.4	Bố trí nhân sự: Bố trí nhân sự phù hợp với tiến độ kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện theo các giai đoạn do nhà thầu đề xuất trong giải pháp và phương pháp luận của nhà thầu.	5		
3.4.1	<i>Có sơ đồ tổ chức, lịch bố trí nhân sự hợp lý, khoa học</i>		5	
3.4.2	<i>Có sơ đồ tổ chức, lịch bố trí nhân sự chưa hợp lý, chưa khoa học</i>		3 - 4	
3.4.3	<i>Không có sơ đồ tổ chức, không có lịch bố trí nhân sự</i>		0	
3.5	Sáng kiến cải tiến: Đề xuất các sáng kiến cải tiến các ứng dụng khoa học kỹ thuật để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dự án.	5		
3.5.1	<i>- Có đề xuất ứng dụng khoa học kỹ thuật mới để thực hiện tốt hơn công việc; có cách trình bày khoa học, dễ theo dõi, áp dụng đúng biểu mẫu của HSMT</i>		5	
3.5.2	<i>- Có đề xuất ứng dụng khoa học kỹ thuật mới; có cách trình bày khoa học, áp dụng đúng biểu mẫu của HSMT nhưng còn thiếu chặt chẽ cần điều chỉnh</i>		3 - 4	
3.5.3	<i>- Không đáp ứng yêu cầu trên</i>		0	
4	Nhân sự chủ chốt	50		35
4.1	Tư vấn giám sát trưởng: 01 người	8		
	- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành xây dựng dân dụng hoặc cầu – đường bộ hoặc hạ tầng kỹ thuật hoặc cấp nước - thoát nước; - Có chứng chỉ hành nghề Giám sát công tác xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật hạng III trở lên còn hiệu lực (đối với chứng chỉ cấp theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP) hoặc Giám sát công tác xây dựng công trình hạng III trở lên còn hiệu lực (đối với chứng chỉ cấp theo Nghị định 212/2026/NĐ-CP); có tài liệu chứng minh theo quy định.			

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>(Nhân sự không có chuyên môn phù hợp theo HSMT và không có chứng chỉ hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề không còn hiệu lực sẽ không được xem xét)</i>			
4.1.1	Trình độ chung (Nhà thầu cung cấp bản sao chứng thực bằng cấp, CMND hoặc thẻ căn cước công dân, chứng chỉ hành nghề theo quy định còn hiệu lực)	2		
	<i>Trình độ đại học trở lên đúng chuyên ngành:</i>		2	
	<i>Không đúng chuyên ngành</i>		0	
4.1.2	Trình độ chung (Tính theo bằng đại học)	2		
	≥ 7 năm		2	
	<i>Từ 5 năm đến dưới 7 năm</i>		1	
	< 5 năm:		0	
4.1.3	Kinh nghiệm tư vấn giám sát trường công trình Hạ tầng kỹ thuật cấp III trở lên (Nhà thầu cung cấp bản sao Quyết định phê duyệt dự án và biên bản nghiệm thu hoàn thành hợp đồng tư vấn giám sát hoặc văn bản xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu khác chứng minh khác)	4		
	<i>Đã làm tư vấn giám sát ≥ 02 hợp đồng:</i>		4	
	<i>Đã làm tư vấn giám sát 01 hợp đồng:</i>		2,8	
	<i>Chưa làm tư vấn giám sát:</i>		0	
4.2	Giám sát phần cấp nước, PCCC (01 nhân sự)	7		
	- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành đào tạo về công trình cấp nước - thoát nước; - Có chứng chỉ hành nghề Giám sát công tác xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, hạng III trở lên còn hiệu lực (đối với chứng chỉ cấp theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP) hoặc TVGS công trình hạng III trở lên còn hiệu lực (đối với chứng chỉ cấp theo Nghị định 212/2026/NĐ-CP); có tài liệu chứng minh theo quy định.. <i>(Nhân sự không có chuyên môn phù hợp theo HSMT và không có chứng chỉ hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề không còn hiệu lực sẽ</i>			

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>không được xem xét)</i>			
4.2.1	Trình độ chung (Nhà thầu cung cấp bản sao chứng thực bằng cấp, CMND hoặc thẻ căn cước công dân, chứng chỉ hành nghề theo quy định còn hiệu lực)	2		
4.2.1.1	<i>Trình độ đại học trở lên đúng chuyên ngành:</i>		2	
4.2.1.2	<i>Không đúng chuyên ngành</i>		0	
4.2.2	Kinh nghiệm làm việc (tính theo bằng đại học).	2		
4.2.2.1	≥ 7 năm		2	
4.2.2.2	Từ 5 năm đến dưới 7 năm		1	
4.2.2.3	< 5 năm:		0	
4.2.3	Kinh nghiệm tư vấn giám sát: Có kinh nghiệm là giám sát viên hạng mục thoát nước trong công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III trở lên (Nhà thầu cung cấp bản sao Quyết định phê duyệt dự án và biên bản nghiệm thu hoàn thành hợp đồng tư vấn giám sát hoặc văn bản xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu khác chứng minh khác)	3		
4.2.3.1	<i>Đã làm tư vấn giám sát ≥ 02 hợp đồng:</i>		3	
4.2.3.2	<i>Đã làm tư vấn giám sát 01 hợp đồng:</i>		2,1	
4.2.3.3	<i>Chưa làm tư vấn giám sát:</i>		0	
4.3	Giám sát phần hạ tầng kỹ thuật (02 nhân sự)	7		
	- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành xây dựng; - Có chứng chỉ hành nghề Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, hạng III trở lên còn hiệu lực (đối với chứng chỉ cấp theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP) hoặc TVGS xây dựng công trình hạng III trở lên còn hiệu lực (đối với chứng chỉ cấp theo Nghị định 212/2026/NĐ-CP); có tài liệu chứng minh theo quy định. (Nhân sự không có chuyên môn phù hợp theo HSMT và không có chứng chỉ hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề không còn hiệu lực sẽ không được xem xét)			
4.3.1	Trình độ chung (Nhà thầu cung cấp bản sao	2		

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	chứng thực bằng cấp, CMND hoặc thẻ căn cước công dân, chứng chỉ hành nghề theo quy định còn hiệu lực)			
4.3.1.1	<i>Trình độ đại học trở lên đúng chuyên ngành:</i>		2	
4.3.1.2	<i>Không đúng chuyên ngành</i>		0	
4.3.2	Kinh nghiệm làm việc (tính theo bằng đại học).	2		
4.3.2.1	≥ 7 năm		2	
4.3.2.2	Từ 5 năm đến dưới 7 năm		1	
4.3.2.3	< 5 năm:		0	
4.3.3	Kinh nghiệm tư vấn giám sát công trình cấp III trở lên (Nhà thầu cung cấp bản sao Quyết định phê duyệt dự án và biên bản nghiệm thu hoàn thành hợp đồng tư vấn giám sát hoặc văn bản xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu khác chứng minh khác)	3		
4.3.3.1	<i>Đã làm tư vấn giám sát ≥ 02 hợp đồng:</i>		3	
4.3.3.2	<i>Đã làm tư vấn giám sát 01 hợp đồng:</i>		2,1	
4.3.3.3	<i>Chưa làm tư vấn giám sát:</i>		0	
4.4	Giám sát phần giao thông (01 nhân sự)	7		
	- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành xây dựng cầu – đường bộ; - Có chứng chỉ hành nghề Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông hạng III trở lên còn hiệu lực (đối với chứng chỉ cấp theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP) hoặc TVGS xây dựng công trình hạng III trở lên còn hiệu lực (đối với chứng chỉ cấp theo Nghị định 212/2026/NĐ-CP); có tài liệu chứng minh theo quy định. (Nhân sự không có chuyên môn phù hợp theo HSMT và không có chứng chỉ hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề không còn hiệu lực sẽ không được xem xét)			
4.4.1	Trình độ chung (Nhà thầu cung cấp bản sao chứng thực bằng cấp, CMND hoặc thẻ căn cước công dân, chứng chỉ hành nghề theo quy định còn hiệu lực)	2		
4.4.1.1	<i>Trình độ đại học trở lên đúng chuyên ngành:</i>		2	
4.4.1.2	<i>Không đúng chuyên ngành</i>		0	

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.4.2	Kinh nghiệm làm việc (tính theo bằng đại học).	2		
4.4.2.1	≥ 7 năm		2	
4.4.2.2	Từ 5 năm đến dưới 7 năm		1	
4.4.2.3	< 5 năm:		0	
4.4.3	Kinh nghiệm tư vấn giám sát công trình cấp III trở lên (Nhà thầu cung cấp bản sao Quyết định phê duyệt dự án và biên bản nghiệm thu hoàn thành hợp đồng tư vấn giám sát hoặc văn bản xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu khác chứng minh khác)	3		
4.4.3.1	Đã làm tư vấn giám sát ≥ 02 hợp đồng:		3	
4.4.3.2	Đã làm tư vấn giám sát 01 hợp đồng:		2,1	
4.4.3.3	Chưa làm tư vấn giám sát:		0	
4.5	Giám sát phần an toàn vệ sinh lao động (01 nhân sự)	7		
	- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành xây dựng công trình; - Có chứng chỉ hoặc chứng nhận huấn luyện an toàn vệ sinh lao động nhóm 2 còn hiệu lực; có kèm theo tài liệu chứng minh theo quy định. (Nhân sự không có chuyên môn phù hợp theo HSMT và không có chứng chỉ hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề không còn hiệu lực sẽ không được xem xét)			
4.5.1	Trình độ chung (Nhà thầu cung cấp bản sao chứng thực bằng cấp, CMND hoặc thẻ căn cước công dân, chứng chỉ hành nghề theo quy định còn hiệu lực)	2		
4.5.1.1	Trình độ đại học trở lên đúng chuyên ngành:		2	
4.5.1.2	Không đúng chuyên ngành		0	
4.5.2	Kinh nghiệm làm việc (tính theo bằng đại học).	2		
4.5.2.1	≥ 7 năm		2	
4.5.2.2	Từ 5 năm đến dưới 7 năm		1	
4.5.2.3	< 5 năm:		0	
4.5.3	Kinh nghiệm tư vấn giám sát an toàn lao động công trình cấp III trở lên (Nhà thầu cung cấp	3		

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	bản sao Quyết định phê duyệt dự án và biên bản nghiệm thu hoàn thành hợp đồng tư vấn giám sát hoặc văn bản xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu khác chứng minh khác)			
4.5.3.1	Đã làm tư vấn giám sát ≥ 02 hợp đồng:		3	
4.5.3.2	Đã làm tư vấn giám sát 01 hợp đồng:		2,1	
4.5.3.3	Chưa làm tư vấn giám sát:		0	
4.6	Giám sát phần thanh quyết toán (01 nhân sự)	7		
	- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành kinh tế xây dựng; (Nhân sự không có chuyên môn phù hợp theo HSMTs sẽ không được xem xét)			
4.6.1	Trình độ chung (Nhà thầu cung cấp bản sao chứng thực bằng cấp, CMND hoặc thẻ căn cước công dân)	2		
4.6.1.1	Trình độ đại học trở lên đúng chuyên ngành:		2	
4.6.1.2	Không đúng chuyên ngành		0	
4.6.2	Kinh nghiệm làm việc (tính theo bằng đại học).	2		
4.6.2.1	≥ 7 năm		2	
4.6.2.2	Từ 5 năm đến dưới 7 năm		1	
4.6.2.3	< 5 năm:		0	
4.6.3	Kinh nghiệm đã làm cán bộ phụ trách công việc thanh quyết toán công trình cấp III trở lên (Nhà thầu cung cấp bản sao Quyết định phê duyệt dự án và biên bản nghiệm thu hoàn thành hợp đồng tư vấn giám sát hoặc văn bản xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu khác chứng minh khác)	3		
4.6.3.1	Đã làm cán bộ phụ trách công việc thanh quyết toán ≥ 02 hợp đồng:		3	
4.6.3.2	Đã làm cán bộ phụ trách công việc thanh quyết toán 01 hợp đồng:		2,1	
4.6.3.3	Chưa thực hiện hợp đồng nào về cán bộ phụ trách công việc thanh quyết toán		0	

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.7	Giám sát phần Điện (01 nhân sự)	7		
	- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành điện; - Có chứng chỉ hành nghề giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình còn hiệu lực; có kèm theo tài liệu chứng minh theo quy định. (Nhân sự không có chuyên môn phù hợp theo HSMT và không có chứng chỉ hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề không còn hiệu lực sẽ không được xem xét)			
4.7.1	Trình độ chung (Nhà thầu cung cấp bản sao chứng thực bằng cấp, CMND hoặc thẻ căn cước công dân, chứng chỉ hành nghề theo quy định còn hiệu lực)	2		
4.7.1.1	Trình độ đại học trở lên đúng chuyên ngành:		2	
4.7.1.2	Không đúng chuyên ngành		0	
4.7.2	Kinh nghiệm làm việc (tính theo bằng đại học).	2		
4.7.2.1	≥ 7 năm		2	
4.7.2.2	Từ 5 năm đến dưới 7 năm		1	
4.7.2.3	< 5 năm:		0	
4.7.3	Kinh nghiệm tư vấn giám sát phần điện công trình cấp III trở lên (Nhà thầu cung cấp bản sao Quyết định phê duyệt dự án và biên bản nghiệm thu hoàn thành hợp đồng tư vấn giám sát hoặc văn bản xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu khác chứng minh khác)	3		
4.7.3.1	Đã làm tư vấn giám sát ≥ 02 hợp đồng:		3	
4.7.3.2	Đã làm tư vấn giám sát 01 hợp đồng:		2,1	
4.7.3.3	Chưa làm tư vấn giám sát:		0	
Tổng		100		70

Ghi chú:

HSDT không đáp ứng yêu cầu mức điểm tối thiểu với ít nhất trong các tiêu chuẩn kinh nghiệm và năng lực, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu (70 điểm) được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá¹

Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times T}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

+ Điểm giá_{đang xét}: Điểm giá của HSDXTC đang xét;

+ $G_{\text{thấp nhất}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;

+ $G_{\text{đang xét}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của HSDXTC đang xét;

+ T: Mức điểm tối đa kỹ thuật.

- Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = K \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} + G \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$$

Trong đó:

+ Điểm kỹ thuật_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;

+ Điểm giá_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;

+ K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ 80%;

+ G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ 20%;

+ $K + G = 100\%$;

- Xếp hạng nhà thầu: HSDT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

CHƯƠNG IV - BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Nội dung	Áp dụng mẫu	Ghi chú
1	Hạng mục công việc của gói thầu	Mẫu số 01	
HSĐXKT			
2	Đơn dự thầu thuộc HSĐXKT	Mẫu số 02	
3	Thỏa thuận liên danh	Mẫu số 03	Chỉ áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh
4	Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu tư vấn	Mẫu số 04	
5	Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung điều khoản tham chiếu	Mẫu số 05	
6	Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ tư vấn (DVTV)	Mẫu số 06	
7	Lý lịch chuyên gia tư vấn	Mẫu số 07	
8	Tiến độ thực hiện công việc	Mẫu số 08	
9	Danh sách chuyên gia tham gia thực hiện DVTV	Mẫu số 09	
10	Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ	Mẫu số 10	
HSĐXTC			
11	Đơn dự thầu thuộc HSĐXTC	Mẫu số 11	
12	Bảng thù lao cho chuyên gia	Mẫu số 12	
13	Bảng phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia	Mẫu số 12A	
14	Chi phí khác cho chuyên gia	Mẫu số 13	
15	Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng	Mẫu số 14	
16	Bảng tổng hợp chi phí	Mẫu số 15	

HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU**1. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói**

Mẫu số 01A

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Giám sát Thi công công trình HTKT và Mua sắm thiết bị	Trọn gói	

ĐƠN DỰ THẦU**(thuộc HSDXKT)**

Ngày: ____

Tên gói thầu: ____

Kính gửi: ____

Sau khi nghiên cứu HSMT, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: ____, Mã số thuế: ____ cam kết thực hiện gói thầu ____ số

TBMT: ____ theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT.

Hiệu lực của HSDXKT: ____

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽²⁾.

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.

6. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh).

7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

8. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾*(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký thì phải gửi kèm giấy ủy quyền, trường hợp điều lệ công ty hoặc các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo các văn bản này.

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: ____

Gói thầu: ____

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: ____

Căn cứ⁽¹⁾ ____Căn cứ⁽¹⁾ ____

Căn cứ HSMT gói thầu: ____ với số TBMT: ____

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ____

Mã số thuế: ____ ;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ____

Mã số thuế: ____ ;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ____

Mã số thuế: ____ ;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ .

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [*ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Ký đơn dự thầu đại diện cho liên danh.
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
- Hủy thầu gói thầu _____ thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ theo thông báo của chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- (3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTN tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng _____[Ghi số năm]¹ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTN tương tự như DVTN được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, nhà thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp HSDT.

Thời gian	Tên công việc <i>[mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính]</i>	Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, chủ đầu tư, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng <i>[trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTN do nhà thầu thực hiện]</i>	Vai trò trong công việc <i>[ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu <i>[ghi rõ từ ngày... đến ngày...]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu thực tế <i>[từ ngày... đến ngày...]</i> Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản công chứng các văn bản, tài liệu liên quan.

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).

**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN
NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

**GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT
DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN**

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

- 1. Giải pháp và phương pháp luận*
- 2. Kế hoạch công tác*
- 3. Tổ chức và nhân sự*

Giải pháp và phương pháp luận. [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

Kế hoạch thực hiện. [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Tổ chức và Nhân sự. [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Tên nhà thầu:

Tên và số của vị trí tư vấn	[Ví dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM]	
Tên chuyên gia tư vấn:	[điền tên đầy đủ]	
Ngày sinh:	[ngày/tháng/năm]	
Quốc tịch		

Trình độ học vấn: [liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được]

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ...đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản: _____

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.

- Nhà thầu gửi bản công chứng các tài liệu sau: bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng HSDT.

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Stt	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Tháng/ngày thứ ⁽²⁾							
		1	2	3	4	5		n	Tổng
1	[Ví dụ: Hạng mục công việc 1:								
	1) Thu thập dữ liệu								
	2) Soạn thảo báo cáo								
	3) Báo cáo sơ bộ								
	4) Tổng hợp ý kiến								
	5) ...								
	6) Báo cáo cuối cùng]								
2	[Hạng mục công việc 2]								
...									
n									

Ghi chú:

- (1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.
 (2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Stt	Tên	Số định danh/CMTND/căn cước công dân/Hộ chiếu	Chức danh bố trí trong gói thầu	Cách thức huy động	Địa điểm làm việc	Số công [Chọn người /tháng hoặc người/ ngày] ¹			Tổng số tháng công/ngày công
						Hạng mục công việc 1	Hạng mục công việc 2	... ²	
I	Nhân sự chủ chốt ³								
1	Nguyễn Văn A		[Điền theo vị trí nêu tại Bảng số 01 Chương III]	[Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê)]	[Công ty]				
					[Thực địa]				
2					[Công ty]				
					[Thực địa]				
									
	Số công nhân sự chủ chốt								
II	Nhân sự khác								
1			[Nhà thầu điền]	Nhà thầu chọn một trong hai	[Công ty]				
					[Thực địa]				

				<i>phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê)]</i>					
2					<i>[Công ty]</i>				
					<i>[Thực địa]</i>				
	Số công nhân sự khác								

Ghi chú:

- (1) Trường hợp Mục 14.3 **BDL** có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người/ngày phù hợp với quy định tại Mục này; nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không ngắn hơn quy định tại Mục 14.3 **BDL**.
- (2) Hạng mục công việc theo Mẫu số 08 Chương IV.
- (3) Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 2 Chương III.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổ chức đấu thầu trong nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Đấu thầu.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong HSDT. Trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

ĐƠN DỰ THẦU
(thuộc HSDXTC)

Ngày: ____

Tên gói thầu: ____

Kính gửi: ____

Sau khi nghiên cứu HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____ cam kết thực hiện gói thầu ____ số TBMT: ____ theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT với giá dự thầu là ____ cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____ [*Ghi tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của HSDXTC: ____.

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾

(*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*)

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký thì phải gửi kèm giấy ủy quyền, trường hợp điều lệ công ty hoặc các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo các văn bản này.

BẢNG THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

STT	Họ và tên (1)	Chức danh bố trí trong gói thầu (2)	Địa điểm làm việc (3)	Thù lao/tháng- (ngày) người (4)	Số tháng (ngày) người (5)	Thù lao cho chuyên gia (6) = (4) x (5)	Tổng (7)
I	Nhân sự chủ chốt						
1	[Theo Mẫu số 09]	[Theo Mẫu số 09]	Công ty	[Theo Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Theo Mẫu số 09]	(a)	(a)+(b)
			Thực địa	[Theo Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Theo Mẫu số 09]	(b)	
2			Công ty				
			Thực địa				
II	Nhân sự khác						
1	[Theo Mẫu số 09]	[Theo Mẫu số 09]	Công ty	[Theo Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Theo Mẫu số 09]		
			Thực địa	[Theo Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Theo Mẫu số 09]		
2			Công ty				
			Thực địa				
Tổng cộng							(A)

Ghi chú:

- Mẫu này áp dụng cho các công việc thuộc Mục 3 Mẫu số 01C Chương này.
- Nhà thầu điền trong trường hợp HSMT không yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia theo Mẫu số 12A. Trường hợp HSMT yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia thì nhà thầu hoàn thành Mẫu số 12A.

BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

STT	Họ tên chuyên gia	Chức danh	Địa điểm làm việc	Lương cơ bản	Chi phí xã hội ¹ % của (3)	Chi phí quản lý chung ² % của (3)	Cộng (3)+(4)+(5)	Lợi nhuận % của (6)	Phụ cấp xa nhà	Thù lao cho chuyên gia/tháng (ngày) (6)+(7)+(8)
	(1)	(1a)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nguyễn Văn A		Công ty							
			Thực địa							
...			Công ty							
			Thực địa							

Ghi chú: Trường hợp không yêu cầu nhà thầu phân tích chi tiết chi phí thù lao chuyên gia thì không sử dụng Mẫu này

¹ Chi phí xã hội: bao gồm các chi phí như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành;

² Chi phí quản lý chung: là chi phí chung của nhà thầu không liên quan trực tiếp đến việc thực hiện gói thầu được tính theo đầu người, bao gồm các chi phí như: chi phí thuê trụ sở, điện nước, truyền thông, nghiên cứu phát triển...

CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYÊN GIA					
STT	Miêu tả	Đơn vị tính	Chi phí/đơn vị (1)	Số lượng (2)	Chi phí (3)
1	[Công tác phí]	[Ngày]		[Tổng số ngày làm việc thực địa của các nhân sự nêu tại Mẫu số 09]	(1)x(2)
2	[Chuyến bay]	[Chuyến]			
3	[Chi phí liên lạc]				
4	[Thiết bị, tài liệu...]				
5	[Chi phí đi lại trong nước]				
6	[Thuê văn phòng, thư ký hỗ trợ]				
7	[Đào tạo nhân sự của chủ đầu tư]				
Tổng chi phí					(B)

**CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC
DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG**

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (bao gồm VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
I	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói				(M1)
1					
2					
...					
II	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá				(M2)
	Các công việc				
1					
2					
...					
Tổng cộng					M=(M1+M2)

Ghi chú:

Nhà thầu điền đơn giá đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

Thù lao cho chuyên gia	(A)
Chi phí khác cho chuyên gia	(B)
Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng	(M)
Tổng chi phí	$A + B + M$

Ghi chú:

Nhà thầu điền các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Tên dự án: Khu đô thị số 1, đường Lê Hồng Phong, Thành phố Sông Công (Nay thuộc Phường Bách Quang và Phường Bá Xuyên, Tỉnh Thái Nguyên)

2. Địa điểm xây dựng: Phường Bách Quang và Phường Bá Xuyên, Tỉnh Thái Nguyên.

3. Chủ đầu tư: Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà HUD2 và Công ty cổ phần liên doanh HT Việt Nam

4. Nguồn vốn: Vốn tự có của chủ đầu tư và vốn vay tín dụng và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác

5. Thời gian thực hiện dự án: Đến hết Quý IV/2026: Hoàn thành, quyết toán, bàn giao dự án theo quy định. (Theo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1313/QĐUBND ngày 29/4/2025)

6. Địa điểm xây dựng: Phường Bách Quang và phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên.

7. Quy mô đầu tư xây dựng:

7.1. Quy mô dự án:

Căn cứ vào các văn bản pháp lý của dự án và hồ sơ bản vẽ đo đạc địa hình tỷ lệ 1/500, Hồ sơ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt.

Dự án Khu đô thị số 1 đường Lê Hồng Phong, thành phố Sông Công thuộc địa phận hành chính phường Bá Xuyên và phường Bách Quang do Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển nhà HUD2 và Công ty cổ phần Liên doanh HT Việt Nam làm Chủ đầu tư, có tổng diện tích: **122.609m²**, trong đó:

Khu quy hoạch có tổng diện tích 122.609m², dân số trong khu vực quy hoạch dự kiến khoảng 1.500-2.000 người, có chức năng sử dụng đất như sau:

- Đất ở: Đất ở liền kề, đất ở biệt thự, đất ở tái định cư và đất nhà ở xã hội.
- Đất công cộng: Đất trường học, đất nhà văn hóa, trạm y tế và đất thương mại dịch vụ.

- Đất cây xanh, thể dục thể thao.

- Đất hạ tầng kỹ thuật, kè đá.

- Đất đường giao thông, bãi đỗ xe.

- Khu quy hoạch được tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan với chức năng là khu đô thị hiện đại, xây dựng mới, tổ chức không gian hài hòa, gắn kết các công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan xung quanh tạo nên một quần thể đồng nhất cho toàn khu

- Không gian kiến trúc cảnh quan phát triển từ trục đường Lê Hồng Phong kết nối theo trục Đông Tây bằng trục đường chính của quy hoạch có lộ giới 24,5m, dọc 2 bên trục đường bố trí các công trình công cộng, cây xanh và chia lô dân cư. Ngoài ra còn có các

trục không gian, khoảng không gian mở bố trí tại vị trí trung tâm đô thị tạo nên một điểm nhấn về không gian, đồng thời là trung tâm sinh hoạt văn hóa của khu đô thị.

- Các khu chức năng phù hợp với nhu cầu sử dụng và khai thác, tổ chức cảnh quan đảm bảo sự vận hành thuận lợi cho các khu chức năng, đồng bộ về hạ tầng và phù hợp với văn hóa, sinh hoạt của địa phương. Các công trình công cộng, công trình hạ tầng xã hội có hình thức kiến trúc phù hợp, là điểm nhấn trong tổng thể toàn khu vực.

7.2. Quy mô gói thầu xây lắp:

7.2.1. Hạng mục san nền:

- Cốt san nền thấp nhất: 21,20 m;
- Cốt san nền cao nhất: 23,80 m.
- Biện pháp thực hiện công tác san nền:

Khu vực này có cao độ tự nhiên trung bình dao động từ +17,50 -:- +21,00m, chủ yếu là đất canh tác nông nghiệp vì vậy nền ở đây chủ yếu là đắp, một số vị trí đào như khu dân cư thuộc ô 01, vị trí đồi thuộc ô số 03 và vị trí đồi cao thuộc ô số 10 và 11. Đối với phần san nền đắp, san gạt tạo thành mái dốc từ giữa lô đất dốc ra phía các tuyến đường xung quanh. Đối với phần san nền đào, đào bạt nền tới cao độ san nền, đối với các khu vực giáp ranh giới tạo rãnh thu nước để đảm bảo thoát nước giữa khu bên cạnh và ô đất san nền.

Độ dốc san nền dao động từ 0,5%- 0,7%, hướng dốc nền được thiết kế theo lưu vực thoát nước chính: Hướng dốc từ Đông Bắc sang Tây Nam.

Để giảm khối lượng san gạt ít nhất, mạng đường trong khu vực thiết kế bám sát theo địa hình tự nhiên.

Chọn chênh cao giữa hai đường đồng mức thiết kế là $\Delta h=0,10m$.

Vạch các đường đồng mức thiết kế trên cơ sở hướng dốc nền và các mặt phẳng san nền đã xác định. Đó là các đường đồng mức liên tục và không cắt nhau trong phạm vi khu đất.

7.2.2. Đường Giao thông:

- Các tuyến Đường như sau:

STT	Tên tuyến	Chiều dài (m)	Chiều rộng đường (m)			Ghi chú
			Mặt đường	Hè đường	Mặt cắt	
1	Tuyến 1	538,11	10,0	2x7,0	24,5	
2	Tuyến 2	178,80	7,5	2x4,0	15,5	
3	Tuyến 3	478,45	7,5	2x4,0	15,5	
4	Tuyến 4	529,35	7,5	2x4,5	16,5	
5	Tuyến 5	166,97	7,5	2x4,0	15,5	
6	Tuyến 6	299,46	7,5	2x4,0	15,5	
7	Tuyến 7	313,96	7,5	2x4,0	15,5	
8	Tuyến 8	30,25	7,5	2x4,0	15,5	
9	Tuyến 9	30,25	7,5	2x4,0	15,5	

* Kết cấu áo đường bê tông nhựa xây mới:

- 4 cm bê tông nhựa chặt C16;
- Tưới nhựa dính bám TC:0,5Kg/m²
- 7 cm bê tông nhựa chặt C19;
- Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn: 1,0Kg/m²;
- 18 cm cấp phối đá dăm loại 1, đầm chặt $K \geq 0,98$;
- 25 cm cấp phối đá dăm loại 2, đầm chặt $K \geq 0,98$;
- 50 cm đất đồi đầm chặt $K = 0,98$;
- Đất san nền đầm chặt $K = 0,95$ (dày trung bình 30cm).

* Kết cấu lát hè, ô trồng cây, tường chắn

- Kết cấu lát hè

+ Kết cấu lát hè gạch tự chèn áp dụng cho các vị trí vỉa hè các tuyến đường:

Gạch bê tông giả đá KT 30x15x5cm;

Cát vàng gia cố xi măng;

Đất đồi san nền đầm chặt K95.

+ Kết cấu lát hè gạch coric giả đá áp dụng cho xung quanh công viên, TTTM

Gạch coric giả đá

VXM M75# dày 2cm

10cm BTXM M150#

Đất đồi san nền đầm chặt K95.

- Kết cấu ô trồng cây

+ Kết cấu ô trồng cây xây gạch:

Xây bồn cây bằng gạch VXM M50# kích thước lòng trong 1,2x1,2 m;

10cm Móng bê tông xi măng M100 đá 2x4;

* Kết cấu bó vỉa, đan rãnh, bó gáy hè và hạ hè cho người khuyết tật

- Kết cấu bó vỉa

+ Trồng bó vỉa bê tông xi măng đúc sẵn có đan rãnh có kích thước 35x18x100 (cm) tại đoạn thẳng và 35x18x25 (cm) tại đoạn cong, đặt chênh cao so với mặt đường 13cm đảm bảo cao độ người đi bộ và dắt xe được thuận tiện.

+ Trồng bó vỉa bê tông xi măng đúc sẵn không đan rãnh tại vị trí lưng đường cong và những vị trí không thu nước có kích thước 35x18x100 (cm) tại đoạn thẳng và 35x18x25 (cm) tại đoạn cong, đặt chênh cao so với mặt đường 13cm đảm bảo cao độ người đi bộ và dắt xe được thuận tiện.

+ Kết cấu:

Bó vỉa 35x18 cm;

2cm vữa xi măng M100;

12cm Móng BTXM M100 đá 4x6.

- Kết cấu đan rãnh

+ Đan rãnh lát bằng Tấm bê tông đúc sẵn M200 kích thước 30x50x5cm bằng vữa M75.

- Kết cấu bó gáy hè và tường xây khu vực ô đất số 01:

+ Kết cấu xây gạch vữa xi măng M50#

Móng BTXM M100 đá 2x4

- Kết cấu hạ hè

+ Trên vỉa hè tại các tại các lối qua đường tại các nút giao có bố trí vị trí hạ hè để thuận lợi cho người khuyết tật qua lại;

- Kết cấu tường chắn:

+ Tường đỉnh bằng BTXM M200#

+ Tường thân và tường móng được làm bằng đá hộc xây VXM M100#

- Đệm móng bằng bê tông M150# đá 2x4 dày 10cm.

7.2.3. Giải pháp thiết kế tổ chức giao thông

- Các tuyến đường tổ chức giao thông hai chiều;

- Tổ chức giao thông bằng vạch sơn và biển báo theo QCVN 41:2019/BGTVT;

- Bố trí biển báo hiệu, chỉ dẫn giao thông tại các vị trí đường giao, xung đột giao thông.

Biển đường người đi bộ sang ngang (biển I.423a,b).

Biển giao nhau với đường ưu tiên (biển W.208).

- Bố trí vạch sơn để báo hiệu cho phương tiện tham gia giao thông:

Vạch 1.1 để phân chia 2 chiều xe chạy ngược chiều nhau;

Vạch 2.1 để phân làn xe chạy trong cùng 1 chiều;

Vạch 3.1A, 3.1B để xác định mép phân đường cho xe chạy;

Vạch 7.1 để xác định vị trí dừng xe;

Vạch 7.3 để xác định vị trí cho người đi bộ qua đường;

Vạch 9.3 để chỉ hướng đi.

7.2.4. Thoát nước mưa và thoát nước thải:

a. Thoát nước mưa

* Lưu vực và nguồn xả: Khu vực dự án có 1 lưu vực thoát nước mưa;

* Kết cấu và mạng lưới

- Công thoát nước:

Xây dựng các tuyến cống tròn, cống hộp bê tông cốt thép:

Cống tròn D400 (ngang đường); Cống tròn D600; Cống tròn D800; Cống tròn D1000; Cống tròn D1500; Cống tròn D2000 đường kính ngoài; Cống hộp BxH=2000x2000 phạm vi ngoài dự án và cống hộp BxH=1600x1940 phạm vi trong dự án.

Các tuyến cống thiết kế chạy trên vỉa hè để thu gom nước mưa cho dự án từ các ga thu thăm kết hợp hoặc qua đường cống ngang D400 từ các ga thu trực tiếp;

Ống cống và đế cống cống tròn D400 sử dụng là BTCT đúc sẵn tải trọng HL93;

Ống cống và đế cống cống tròn D600, D800, D1000, D1500, D2000 đường kính ngoài, BxH=1600x1940 bề rộng ngoài sử dụng là BTCT đúc sẵn tải trọng trên vỉa hè, tại những đoạn qua đường sử dụng cống BTCT đúc sẵn tải trọng HL93;

Mỗi nối các cống tròn thực hiện bằng miệng loe của các đốt cống. Vật liệu dùng để làm mỗi nối là bao đay tấm nhựa đường và trát vữa.

Cao độ đáy cống được tính toán trên cơ sở cao độ san nền, cao độ của khu vực dân cư hiện có, độ sâu chôn cống tối thiểu và độ dốc của tuyến đường.

- Hồ ga:

Ga thu trực tiếp dưới đường: Ga thu trực tiếp sử dụng loại BTCT:

- + Bê tông đệm móng M100 dày 100mm;
- + Thân ga BTCT M250 đá 1x2 dày 200mm;
- + Song chắn rác Composite sử dụng loại dưới đường, tải trọng 250kN.

Ga thu thăm kết hợp trên hè:

- + Bê tông đệm móng M100 dày 100mm;
- + Móng ga BTCT M250 dày 150mm;
- + Thân ga BTCT M250 đá 1x2 dày 200mm;
- + Cổ ga bằng BTCT M250;
- + Hồ thu nước bằng BTCT M250;
- + Song chắn rác Composite sử dụng loại dưới đường, tải trọng 250kN;
- + Sử dụng Nắp ga Composite tải trọng 125kN; chèn vữa xi măng.

Ga thăm dưới đường:

- + Bê tông đệm móng M100 dày 100mm;
- + Móng ga BTCT M250 dày 150mm;
- + Thân ga BTCT M250 đá 1x2 dày 200mm;
- + Cổ ga bằng BTCT M250 đá 1x2;
- + Sử dụng nắp ga Composite tải trọng 400kN; chèn vữa xi măng

Hồ ga được bố trí tại các vị trí thích hợp (tụ thủy, cuối hướng dốc...) khoảng cách trung bình từ 25-40m/giếng.

- Cửa xả, cửa thu

Xây dựng 1 cửa xả và 04 cửa thu CX1, CT1, CT2, CT3, CT4 cho cống ngang đường D1500, D400 và BxH=2000x2000 hoàn trả kênh thoát nước hiện trạng tại những vị trí kết nối giao thông dự án.

Tường đầu, tường cánh dùng Bê tông M150;

Sân cống, móng tường đầu tường cánh bằng bê tông M150.

- Xử lý giao cắt

Tại vị trí giao cắt giữa đường cống thoát nước mưa và đường cống thoát nước thải, bố trí xây dựng các ga xử lý giao cắt để đảm bảo mạng lưới vận hành thông suốt, hiệu quả.

b. Thoát nước thải

- Cống

Ống cống và đế cống cống tròn D300 sử dụng là HDPE 2 vách, tại những đoạn qua đường sử dụng cống BTCT D300 đúc sẵn tải trọng HL93;

- Ga thu thăm, cống

Bê tông lót móng M100 dày 100mm;
 Tấm đan và xà mũ BTCT M250 đúc sẵn;
 Thân ga và đế ga bê tông M250 đổ tại chỗ;
 Nắp ga bằng Composite tải trọng 125kN;

Các hố ga được bố trí với khoảng cách từ 25-30m bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế hiện hành và tiện lợi khi thu nước từ nhà dân.

- Xử lý giao cắt hạ tầng

Tại vị trí giao cắt giữa đường cống thoát nước mưa và đường cống thoát nước thải, bố trí xây dựng các ga xử lý giao cắt để đảm bảo mạng lưới vận hành thông suốt, hiệu quả.

7.2.5. Cấp nước và PCCC:

a. Phương án cấp nước

Nước sạch cấp cho dự án từ nhà máy cấp nước sạch của Công ty Cổ phần nước sạch Thái Nguyên. Cấp nước chữa cháy thiết kế chung với hệ thống cấp nước sinh hoạt và dịch vụ, hệ thống chữa cháy áp lực thấp.

Đường ống cấp nước trong dự án được thiết kế mạng vòng kết hợp mạng cụt đảm bảo cấp nước sinh hoạt và chữa cháy áp lực thấp.

Mạng lưới bao gồm đường ống phân phối chính có đường kính từ DN110 (vật liệu HDPE) cấp nước từ điểm đầu nối tới các ống nhánh phân phối nước và đến từng nơi tiêu thụ.

Mạng lưới đường ống cấp nước dịch vụ trích từ đường ống phân phối có đường kính DN63 (vật liệu HDPE) cấp nước tới từng hộ dân trong dự án.

Đường ống cấp nước đặt bên dưới vỉa hè, độ sâu đặt ống trung bình tính từ nền hoàn thiện tới đỉnh ống là 0,8m. Tại các góc chuyển và trị trí van, tê, cút có bố trí gô đỡ BTCT.

Các đoạn ống qua đường thiết kế đặt trong ống lồng thép có đường kính DN200 và được quy định tại bản vẽ.

Tại các nút cấp nước, bố trí các van chặn để thuận tiện trong quá trình vận hành mạng lưới sau này.

Trên hệ thống tuyến ống phân phối, dự kiến bố trí các van xả khí và các van xả cặn trong mạng lưới để đảm bảo việc bảo trì, vận hành được dễ dàng nhất

- Vật liệu đường ống cấp nước:

+ Vật liệu sử dụng là ống nhựa HDPE.

+ Áp lực làm việc của tuyến ống phải đảm bảo là PN10 (PE100). Kích thước và yêu cầu kỹ thuật của các đường ống và phụ tùng lấy như trong tiêu chuẩn.

+ Những đoạn ống qua đường được bảo vệ bởi ống lồng thép tráng kẽm dày 6,35mm.

Lắp đặt:

+ Các đường ống được lắp đặt theo đúng thiết kế.

+ Phương pháp nối ống: Ống HDPE thẳng được nối bằng phương pháp nối hàn nhiệt. Các đường ống thép nối với nhau bằng phương pháp hàn nhiệt hoặc mặt bích, tùy thuộc vào vị trí nối ống.

b. Cấp nước chữa cháy

* Hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế dựa trên các tiêu chuẩn về “Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình- Yêu cầu thiết kế (TCVN 2622:1995) và Quy chuẩn QCVN 06:2022/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình”

Hệ thống cấp nước chữa cháy áp lực thấp.

Áp lực tự do cần thiết trong đường ống cấp nước chữa cháy từ mặt đất $\geq 10\text{m}$. Việc chữa cháy sẽ do xe cứu hỏa của đội chữa cháy Khu vực thực hiện. Nước cấp cho xe cứu hỏa được lấy từ các trụ cứu hỏa dọc đường.

* Đặc tính kỹ thuật của trụ cứu hỏa như sau:

Trụ cứu hỏa được thiết kế và chế tạo theo TCVN 6379:1998, được bố trí dọc theo các tuyến đường giao thông, khoảng cách giữa 2 trụ cứu hỏa không lớn hơn 150m. Kích thước mặt bích để trụ lắp vào mạng lưới cấp nước theo tiêu chuẩn ISO 7005-2.

Ghi chú:

Hệ thống cấp nước sản xuất và chữa cháy riêng bên trong khu trung tâm thương mại, công trình công cộng khác... không được đề cập trong thiết kế này. Các chủ đầu tư của từng công trình nói trên sau này sẽ chịu trách nhiệm thiết kế và thi công các hệ thống đó.

7.2.5. Hạng mục điện:

7.2.5.1. Tuyến cáp ngầm 22kV:

a) Tuyến hạ ngầm cấp nguồn cho dự án:

+ Điểm đầu: Tại tuyến đường dây 22kV lộ 478E26.1 tại vị trí cột 22 – DCL 478E26.1-7/22.

+ Điểm cuối: Tủ RMU thuộc TBA 01

+ Cấp điện áp: 22kV.

+ Chiều dài tuyến cáp ngầm trung áp 24kV- Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 3x240mm² khoảng 1033m.

b) Tuyến hạ ngầm cấp nguồn cho các TBA:

- Tuyến cáp cấp nguồn trạm biến áp 01 xây dựng mới:

+ Điểm đầu: Từ cột 22 DCL 478E26.1-7/22.

+ Điểm cuối: Đầu vào ngăn cầu dao phụ tải TBA 01.

+ Cấp điện áp: 22kV.

+ Chiều dài tuyến cáp ngầm trung áp 24kV- Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 3x240mm² khoảng 1033m.

- Tuyến cáp cấp nguồn trạm biến áp 02 xây dựng mới:

+ Điểm đầu: Từ ngăn cầu dao phụ tải tủ RMU TBA 01.

+ Điểm cuối: Đầu vào ngăn cầu dao phụ tải TBA 02.

- + Cấp điện áp: 22kV.
- + Chiều dài tuyến cáp ngầm trung áp 24kV- Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 3x240mm² khoảng 115m.
- Tuyến cáp cấp nguồn trạm biến áp 03 xây dựng mới:
 - + Điểm đầu: Từ ngăn cầu dao phụ tải tủ RMU TBA 01.
 - + Điểm cuối: Đầu vào ngăn cầu dao phụ tải TBA 02.
 - + Cấp điện áp: 22kV.
 - + Tổng chiều dài cáp ngầm trung áp 24kV- Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 3x240mm² khoảng 87m.

7.2.5.2. Trạm biến áp:

- Đầu tư mua sắm, lắp đặt: 03 trạm biến áp TBA 01, TBA 02 và TBA 03 sử dụng loại trạm kios; bao gồm:
 - + Trạm biến áp TBA 01: 1250kVA-22/0.4kV đặt tại ô cây xanh;
 - + Trạm biến áp TBA 02: 1000kVA-22/0.4kV đặt tại ô cây xanh;
 - + Trạm biến áp TBA 03: 1000kVA-22/0.4kV đặt tại ô cây xanh.

7.2.5.3. Tuyến cáp ngầm hạ áp 0,4kV:

Xây dựng mới các tuyến cáp ngầm hạ thế 0,4kV sau các TBA 01, TBA 02 và TBA 03, cụ thể như sau:

a) Sau TBA 01:

- Tuyến hạ thế thuộc TBA 01-1250KVA bao gồm: 06 lộ hạ áp + 01 lộ tụ bù;
- Phần cáp ngầm hạ thế 0,4kV sử dụng loại cáp CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC tiết diện từ 4x35mm² đến 4x300mm², tuyến cáp đi trên hè đi trong ống nhựa xoắn HDPE, tuyến cáp qua đường đi trong ống nhựa xoắn HDPE lồng trong ống thép mạ kẽm, chôn trực tiếp trong đất.

b) Sau TBA 02:

- Tuyến hạ thế thuộc TBA 02-1000KVA bao gồm: 05 lộ hạ áp + 01 lộ tụ bù;
- Phần cáp ngầm hạ thế 0,4kV sử dụng loại cáp CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC tiết diện từ 4x35mm² đến 4x150mm², tuyến cáp đi trên hè đi trong ống nhựa xoắn HDPE, tuyến cáp qua đường đi trong ống nhựa xoắn HDPE lồng trong ống thép mạ kẽm, chôn trực tiếp trong đất.

c) Sau TBA 03:

- Tuyến hạ thế thuộc TBA 03-1000KVA bao gồm: 06 lộ hạ áp + 01 lộ tụ bù;
- Phần cáp ngầm hạ thế 0,4kV sử dụng loại cáp CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC tiết diện từ 4x35mm² đến 4x300mm², tuyến cáp đi trên hè đi trong ống nhựa xoắn HDPE, tuyến cáp qua đường đi trong ống nhựa xoắn HDPE lồng trong ống thép mạ kẽm, chôn trực tiếp trong đất.

7.2.5.4. Cấp điện chiếu sáng và trang trí

- Các tuyến đường có bề rộng mặt đường 10,5m bố trí chiếu sáng 2 bên đối diện nhau sử dụng cột đèn rời cần cao 7m, cần rời cao 2m độ vươn 1,5m, độ cao treo đèn 9m lắp 01 bóng đèn Led công suất 70W, khoảng cách bố trí đèn từ 25-35m.

- Các tuyến đường có bề rộng mặt đường 7,5m bố trí đèn chiếu sáng 1 bên sử dụng cột đèn cao rời cần cao 6m, cần rời cao 2m độ vươn 1,5m, độ cao treo đèn 8m lắp 01 bóng đèn Led công suất 100W, khoảng cách bố trí đèn từ 25-35m.

- Hệ thống chiếu sáng được điều khiển thông qua tủ ĐKCS đặt ở gần điểm đầu nối, khu cây xanh... để thuận lợi cho việc quản lý và vận hành;

- Chế độ vận hành của tuyến chiếu sáng được điều khiển tự động tại chỗ thông qua rơ le thời gian lắp tại các tủ điều khiển. Tủ điều khiển được vận hành đóng cắt theo lịch trình tự động và bán tự động:

7.2.6. Hạng mục Trạm xử lý nước thải:

- Đầu tư xây dựng Trạm xử lý nước thải công suất thiết kế: 396 m³/ ngày đêm để xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt của dự án.

- Tiêu chuẩn: Nước thải sau xử lý đạt Cột A, QCVN 14:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

7.2.7. Hạng mục thông tin liên lạc:

- Cáp:

+ Xây dựng tuyến cáp ngầm (đường ống + hố ga cáp).

+ Các đường cáp được chôn ngầm trên trục đường trong khu vực dự án.

+ Tùy theo nhu cầu của dự án mà nhà cung cấp có thể đưa tới các đường truyền dữ liệu bằng cáp đồng hoặc cáp quang.

- Tuyến cống bê:

+ Đầu tư xây dựng mới các tuyến cống bê trong khu vực: ống PVC D110mm, được đi trong rãnh kỹ thuật trên hè đường và dưới lòng đường.

+ Khoảng cách các bể cáp trung bình từ 20m đến 40m.

+ Những vị trí lắp đặt qua đường thì lắp ống PVC HI-3P chịu lực có đường kính D110mm, chôn sâu trên 0,9 m.

7.2.8. Hạng mục xây dựng sân vườn, cây xanh, cảnh quan:

- Đầu tư trồng cây xanh trên các tuyến phố và các khu sân vườn trung tâm.

Bố bồn cây: Bó bồn xây gạch VXM M50#, Bê tông móng BTXM M100# đá 2x4 dày 10cm;

- Đầu tư xây dựng Biển chào dự án bằng đá nguyên khối.

II. Phạm vi công việc:

Giám sát thi công xây dựng các hạng mục công trình đúng theo Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, Quy mô dự án được quy định trong Quyết định phê duyệt dự án theo đúng các quy định quy chuẩn hiện hành của nhà nước.

1. Nhiệm vụ của Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng

Nội dung thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình gồm:

a) Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm: nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí

nghiệm chuyên ngành xây dựng, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình;

b) Kiểm tra biện pháp thi công xây dựng của nhà thầu so với thiết kế biện pháp thi công đã được phê duyệt. Chấp thuận kế hoạch tổng hợp về an toàn, các biện pháp đảm bảo an toàn chi tiết đối với những công việc đặc thù, có nguy cơ mất an toàn lao động cao trong thi công xây dựng công trình;

c) Xem xét và chấp thuận các nội dung quy định tại Điều 13 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính Phủ do nhà thầu trình và yêu cầu nhà thầu thi công chỉnh sửa các nội dung này trong quá trình thi công xây dựng công trình cho phù hợp với thực tế và quy định của hợp đồng. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư thỏa thuận trong hợp đồng xây dựng với các nhà thầu về việc giao nhà thầu giám sát thi công xây dựng lập và yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng thực hiện đối với các nội dung nêu trên;

d) Kiểm tra và chấp thuận vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình;

đ) Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng công trình và các nhà thầu khác thực hiện công việc xây dựng tại hiện trường theo yêu cầu của thiết kế xây dựng và tiến độ thi công của công trình;

e) Giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình; giám sát các biện pháp đảm bảo an toàn đối với công trình lân cận, công tác quan trắc công trình;

g) Đề nghị chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh thiết kế khi phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế;

h) Yêu cầu nhà thầu tạm dừng thi công khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn, vi phạm các quy định về quản lý an toàn lao động làm xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động; chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình và phối hợp xử lý, khắc phục sự cố theo quy định của Nghị định này;

i) Kiểm tra, đánh giá kết quả thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng trong quá trình thi công xây dựng và các tài liệu khác có liên quan phục vụ nghiệm thu; kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công;

k) Tổ chức thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính Phủ (nếu có);

l) Thực hiện các công tác nghiệm thu theo quy định tại các Điều 21, 22, 23 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính Phủ; kiểm tra và xác nhận khối lượng thi công xây dựng hoàn thành;

m) Thực hiện các nội dung khác theo quy định của hợp đồng xây dựng.

2. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng

Tuân thủ theo Điều 63 Luật xây dựng 2025 quy định về quyền và nghĩa vụ của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình như sau:

2.1. Nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình có các quyền sau:

- a) Tham gia nghiệm thu, xác nhận công việc, công trình đã hoàn thành thi công xây dựng;
- b) Yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện đúng thiết kế được phê duyệt và hợp đồng thi công xây dựng đã ký kết;
- c) Bảo lưu ý kiến đối với công việc giám sát do mình đảm nhận;
- d) Tạm dừng thi công trong trường hợp phát hiện công trình có nguy cơ xảy ra mất an toàn hoặc nhà thầu thi công sai thiết kế và thông báo kịp thời cho chủ đầu tư để xử lý;
- đ) Từ chối yêu cầu bất hợp lý của các bên có liên quan;
- e) Các quyền khác theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

2.2. Nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình có các nghĩa vụ sau:

- a) Thực hiện giám sát theo đúng hợp đồng;
- b) Không nghiệm thu khối lượng không bảo đảm chất lượng; không phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật và theo yêu cầu của thiết kế công trình;
- c) Từ chối nghiệm thu khi công trình không đạt yêu cầu chất lượng;
- d) Đề xuất với chủ đầu tư những bất hợp lý về thiết kế xây dựng;
- đ) Giám sát việc thực hiện các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường;
- e) Bồi thường thiệt hại khi làm sai lệch kết quả giám sát đối với khối lượng thi công không đúng thiết kế, không tuân theo tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, nhưng người giám sát không báo cáo với chủ đầu tư hoặc người có thẩm quyền xử lý và hành vi vi phạm khác do mình gây ra;
- g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

Ngay sau khi hợp đồng ký kết có hiệu lực và Chủ đầu tư bàn giao đầy đủ tài liệu cần thiết cho Nhà thầu (có thể bàn giao theo từng giai đoạn) cùng với thông báo khởi công công trình, chuyên gia có thể bắt đầu thực hiện công việc

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

Nhà thầu tư vấn phải có Báo cáo về chất lượng, tiến độ công việc tới đại diện Chủ đầu tư khi đại diện Chủ đầu tư yêu cầu.

a. Báo cáo nộp trước khi thực hiện gói thầu:

- Kế hoạch thực hiện gói thầu;
- Các căn cứ pháp lý thực hiện công việc tư vấn giám sát và Quyết định thành lập đoàn tư vấn giám sát (hoặc cơ cấu có chức năng tương đương) trong đó phải nêu rõ:

- + Số chuyên gia tham gia gói thầu;
- + Danh sách các chuyên gia, chức vụ và quyền hạn của mỗi chuyên gia, dự kiến thời gian công tác, địa điểm công tác của từng chuyên gia;
- Tiến độ nộp các báo cáo;
- Nhà thầu phải dự kiến lập các báo cáo trình Chủ đầu tư bao gồm Báo cáo thường kỳ, Báo cáo nghiệm thu từng hạng mục và Báo cáo đột xuất.

b. Báo cáo thường kỳ:

- Thời gian nộp Báo cáo thường kỳ: Nhà thầu phải nộp Báo cáo thường kỳ cho Chủ đầu tư theo thời hạn bắt buộc là 1tháng/1 báo cáo. Báo cáo phải được nộp vào đầu mỗi tháng, ngày cụ thể do nhà thầu tư vấn đề xuất;

- Nội dung của Báo cáo thường kỳ: Báo cáo thường kỳ phải tổng hợp được tình hình thực hiện dự án về tiến độ, chất lượng... phải chỉ rõ các công việc đã hoàn thành được nghiệm thu, thực hiện đúng chất lượng, tiến độ; những công việc chưa đảm bảo chất lượng, tiến độ. Phải chỉ rõ được nguyên nhân và có giải pháp xử lý cho các công việc chưa thực hiện đúng chất lượng, tiến độ. Ngoài ra nhà thầu phải có đánh giá về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường của các nhà thầu thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị trong giai đoạn báo cáo;

- Báo cáo thường kỳ phải nêu rõ các mốc thời gian quan trọng và trình bày đủ kế hoạch trong kỳ, dự trù kế hoạch của kỳ tiếp theo...

c. Báo cáo nghiệm thu từng hạng mục:

Sau mỗi công đoạn thi công nhà thầu phải thực hiện công tác nghiệm thu bộ phận, hạng Mục công trình đã hoàn thành và phải lập báo cáo để đánh giá về mặt kỹ thuật và chất lượng cũng như khối lượng công việc đã hoàn thành, nhận xét và đưa ra phương hướng thực hiện các công đoạn tiếp theo.

d. Báo cáo đột xuất:

- Báo cáo đột xuất phải được nhà thầu tư vấn lập và trình Chủ đầu tư khi có các sự kiện đột xuất hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Trường hợp theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì nhà thầu sẽ được nêu rõ lý do chính đáng;

- Thời gian nộp Báo cáo đột xuất: Trong vòng 24 giờ đồng hồ sau khi xảy ra sự kiện đột xuất hoặc được Chủ đầu tư yêu cầu. Trường hợp khẩn cấp thì trong vòng 04 giờ hoặc ngắn hơn tùy điều kiện cụ thể sau khi xảy ra sự kiện đột xuất hoặc được Chủ đầu tư yêu cầu;

- Nội dung Báo cáo đột xuất:

Trường hợp xảy ra sự kiện đột xuất: Báo cáo phải nêu rõ nguyên nhân, và có đề xuất giải pháp để Chủ đầu tư căn cứ

Trường hợp theo yêu cầu của Chủ đầu tư: Nội dung báo cáo phải đáp ứng các điều kiện cụ thể trong yêu cầu của Chủ đầu tư.

Ngoài các báo cáo bắt buộc theo yêu cầu trên nhà thầu có thể đề xuất thêm các sáng kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa về nội dung, thời gian và tiến độ nộp báo cáo để dự án triển khai đạt hiệu quả.

e. Biểu mẫu báo cáo:

- Báo cáo định kỳ hoặc báo cáo theo giai đoạn thi công xây dựng theo quy định tại Phụ lục IVa Nghị định 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính Phủ;
- Báo cáo khi tổ chức nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành gói thầu, hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Phụ lục IVb Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính Phủ.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí theo Mục 2 Chương 3 của HSMT.

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Trong thời gian có hiệu lực của dịch vụ tư vấn đã thảo luận, chủ đầu tư cho phép các nhân viên tư vấn, tham khảo hồ sơ các thông tin cần thiết và các tài liệu khác liên quan đến dự án khi nhà tư vấn yêu cầu để thực hiện dịch vụ tư vấn.
- Sắp xếp cán bộ để cùng làm việc với nhà thầu tư vấn.
- Về tất cả các vấn đề nhà thầu tư vấn thông báo cho chủ đầu tư bằng văn bản, chủ đầu tư có văn bản trả lời trong khoảng thời gian thích đáng để không làm chậm trễ dịch vụ.
- Cung cấp cho nhà thầu tư vấn tài liệu, hồ sơ thiết kế sơ bộ và các tài liệu khác có liên quan đến việc xây dựng hạng mục công trình.
- Có trách nhiệm cung cấp các thông tin cần thiết và các tài liệu khác liên quan đến dự án khi Nhà tư vấn yêu cầu để thực hiện các dịch vụ tư vấn.
- Các trách nhiệm công việc, thanh toán sẽ cụ thể hóa trong Hợp đồng..

PHẦN 3. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. “chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại ĐKCT; 1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT; 1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc tư vấn; 1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày; 1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu; 1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại ĐKCT; 1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại ĐKCT; 1.12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV; 1.13 “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.
2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 ĐKCT (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau. 2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có); c) Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;

	d) ĐKC của hợp đồng; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; e) Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng; g) HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của Nhà thầu (nếu có); h) HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT. 2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm: a) Văn bản hợp đồng; b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu; c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có); d) Tài liệu khác (nếu có).
3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng	3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam. 3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại ĐKCT. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư. 4.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó. 4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.

	4.4. Nghĩa vụ của chủ đầu tư và nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 ĐKCT không áp dụng đối với các thông tin sau đây: a) Thông tin mà chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của chủ đầu tư hoặc nhà thầu; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin. 4.5. Các quy định tại Mục 4 ĐKCT không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn. 4.6. Các quy định tại Mục 4 ĐKCT tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.
5. Bảo quyền	5.1. Trừ trường hợp ĐKCT có quy định khác, tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do Nhà thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của chủ đầu tư. Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, Nhà thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho chủ đầu tư kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Nhà thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến Hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư. 5.2. Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa Nhà thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, nhà thầu phải được chủ đầu tư chấp thuận trước bằng văn bản đối với các thỏa thuận này. chủ đầu tư có quyền yêu cầu bù đắp các chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên. 5.3. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào. 5.4. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư.
6. Bảo hiểm	6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

	6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.
7. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: được quy định tại ĐKCT .
8. Giá hợp đồng	Giá hợp đồng quy định tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của HSMT.
9. Thuế, phí	Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.
10. Tạm ứng và thanh toán	Việc tạm ứng và thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ	Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
12. Thời gian thực hiện hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại ĐKCT .
13. Sửa đổi hợp đồng	13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong thời hạn nêu tại ĐKCT kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng. 13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây: a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng; c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư; d) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu; đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu;

	e) Các trường hợp khác theo quy định của ĐKCT Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh, trường hợp vượt thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép. 13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.
14. Nhân sự	14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong HSDT trừ trường hợp chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó. 14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại ĐKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.
15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu	15.1. Quyền của nhà thầu: a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn; b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng; c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả); d) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này. 15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu: a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình; b) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện; c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn

	trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức (nếu có); d) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng Nhà thầu phụ (nếu có), nhân lực của Nhà thầu và Nhà thầu phụ sẽ luôn tuân thủ pháp luật. Phải cam kết khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn; đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư; e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng; g) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.
16. Nhà thầu phụ	16.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDT. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ nêu trong HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong HSDT chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho Nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng Nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu; 16.2. Giá trị công việc mà các Nhà thầu phụ quy định tại Mục 16.1 ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại ĐKCT. 16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và Nhà thầu phụ 16.4. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT.
17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại ĐKCT .
18. Tạm dừng hợp đồng	18.1. Chủ đầu tư có thể tạm dừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội

	dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo tạm dừng đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc 18.2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu a) Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho chủ đầu tư, Nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc). b) Sau khi chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được. c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu. d) Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì Nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện.
19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu	19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại ĐKCT. 19.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật. 19.3. Trong trường hợp chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 ĐKC, chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.
20. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư	Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư khi chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại ĐKCT .
21. Trường hợp bất khả kháng	21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp

tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ:

(a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc

(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 22 Chương này.

21.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có)

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:

		- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng. - Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho gói thầu (nếu có) đã được chuyển tới cho Nhà thầu. Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của chủ đầu tư khi đã được chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho chủ đầu tư sử dụng.
22.	Giải quyết tranh chấp	22.1. Nhà thầu và chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải. 22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong ĐKCT.
23.	Thông báo	23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong ĐKCT. 23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của chủ đầu tư và đại diện ủy quyền (nếu có)].
ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]
ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: _____ [Ghi địa điểm dự án]
ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: _____ [Tuỳ theo tính chất của gói thầu mà quy định cụ thể, ví dụ: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng...]
ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: _____ [Ghi các tài liệu khác, nếu có]
ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: _____ [Ghi các quy định khác (nếu có)]
ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: _____ [ghi các trường hợp khác (nếu có). Trường hợp không áp dụng thì ghi “không áp dụng”]
ĐKC 7	Loại hợp đồng: _____ [Ghi loại hợp đồng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt. Trường hợp áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp thì nêu rõ phần công việc nào áp dụng hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo thời gian, hợp đồng theo đơn giá].
ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. (1) Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu. (2) Đối với loại hợp đồng theo thời gian: i. Giá hợp đồng bao gồm thù lao và chi phí khác cho chuyên gia được quy định tại Bảng giá Hợp đồng. ii. Giá trần là _____ [ghi giá trị bằng đồng Việt Nam]. Các khoản thanh toán cho Hợp đồng này không được vượt quá mức trần. Đối với các khoản thanh toán vượt quá mức trần, các bên phải ký phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng, trong đó nêu rõ các nội dung dẫn đến việc thanh toán vượt mức trần.

iii. Thù lao và chi phí khác cho chuyên gia

- Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu (i) thù lao được xác định trên cơ sở thời gian thực tế mỗi chuyên gia của nhà thầu thực hiện Dịch vụ sau ngày bắt đầu thực hiện Dịch vụ hoặc một thời điểm khác theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên; và (ii) chi phí khác mà Nhà thầu phải chi trên thực tế một cách hợp lý để thực hiện dịch vụ.

- Các khoản thanh toán phải được thực hiện trên cơ sở mức thù lao và chi phí khác được quy định tại Bảng giá Hợp đồng.

- Điều chỉnh giá đối với chi phí thù lao (thù lao cho chuyên gia theo tháng hoặc theo ngày nêu tại Bảng giá hợp đồng):
_____ [điền “áp dụng” hoặc “không áp dụng”.]

[Nếu Hợp đồng có thời hạn dưới 18 tháng, không áp dụng trượt giá đối với thù lao chuyên gia. Trường hợp không áp dụng trượt giá đối với mức thù lao, mức thù lao sẽ cố định trong suốt thời gian thực hiện gói thầu.]

Nếu Hợp đồng kéo dài trên 18 tháng, có thể quy định nội dung trượt giá đối với chi phí thù lao chuyên gia căn cứ mức lạm phát trong nước. Việc xác định trượt giá đối với chi phí thù lao căn cứ chỉ số giá tiền lương trong thời gian tính trượt giá. Trường hợp áp dụng trượt giá đối với lương chuyên gia, cần nêu rõ cách thức trượt giá].

(3) Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định: đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng.

(4) Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: Giá hợp đồng được trượt giá và thực hiện như sau:

- Trượt giá hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực;

- Trượt giá được thực hiện từ thời điểm phát sinh yếu tố làm thay đổi giá và chỉ áp dụng đối với khối lượng được thực hiện theo đúng tiến độ ghi trong hợp đồng hoặc tiến độ được điều chỉnh theo quy định tại Mục 13 **ĐKCT**. Không tính trượt giá cho các khối lượng công việc trong hợp đồng tương ứng với số tiền đã tạm ứng hợp đồng;

- Giá hợp đồng sẽ được tính trượt giá trong thời gian thực hiện gói thầu nhằm phản ánh những thay đổi về chi phí nhân công và vật tư. Việc trượt giá hợp đồng sẽ được thực hiện theo công thức cụ thể _____ [nêu rõ công thức tính trượt

	giá].
ĐKC 10	10.1. Tạm ứng <i>Trường hợp có quy định về tạm ứng cho nhà thầu thì cần nêu rõ giá trị, thời hạn tạm ứng và cách thức hoàn trả tiền tạm ứng phù hợp với quy định của pháp luật.</i> <i>Thời gian tạm ứng chậm nhất là ____ [Ghi cụ thể là bao nhiêu ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực].</i> <i>Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu là ____ [Ghi cụ thể là bao nhiêu % giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền là bao nhiêu, số tiền bằng chữ là bao nhiêu].</i> 10.2. Thanh toán Phương thức thanh toán: _____ <i>[Tuỳ theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này.</i> <i>Việc thanh toán cho nhà thầu có thể quy định bằng tiền mặt, chuyển khoản.]</i> - Đồng tiền thanh toán: VND. - Số lần thanh toán: ____ <i>[Ghi cụ thể số lần thanh toán].</i> - Thời hạn thanh toán: _____ <i>[Thời hạn thanh toán có thể quy định thanh toán ngay hoặc trong một thời hạn nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, căn cứ quy mô, loại hợp đồng, lĩnh vực của gói thầu, chủ đầu tư cần quy định cụ thể về chứng từ phục vụ cho việc thanh toán, có thể ghi:</i> + <i>Hợp đồng trọn gói: Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành (không yêu cầu xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết); bảng xác định giá trị cho những công việc phát sinh theo văn bản sửa đổi hợp đồng (nếu có) có xác nhận của đại diện chủ đầu tư, đại diện tư vấn giám sát (nếu có) và đại diện nhà thầu; đề nghị thanh toán....;</i> + <i>Hợp đồng theo đơn giá cố định: Biên bản nghiệm thu khối lượng, số lượng công việc thực tế đã thực hiện (có xác nhận của đại diện chủ đầu tư, đại diện tư vấn giám sát (nếu có) và đại diện nhà thầu); bảng xác định giá trị cho những công việc phát sinh theo văn bản sửa đổi hợp đồng (nếu có) có xác nhận của đại diện chủ đầu tư, đại diện tư vấn giám sát (nếu có) và đại diện nhà thầu; đề nghị thanh toán;</i> + <i>Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: Biên bản nghiệm thu khối lượng, số lượng công việc thực tế đã thực hiện; bảng tính đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá; bảng tính giá trị những công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng (nếu có); đề nghị thanh toán;</i> + <i>Hợp đồng theo thời gian: Biên bản nghiệm thu khối lượng, số lượng công việc thực tế đã thực hiện tương ứng các mốc thời gian hoàn thành; biên bản xác nhận số ngày làm việc</i>

	<i>thực tế của chuyên gia; các hóa đơn, chứng từ hợp lệ đối với các khoản chi phí liên quan; đề nghị thanh toán;</i>
ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: _____ (ghi áp dụng hoặc không áp dụng). <i>Trường hợp áp dụng, ghi rõ các yêu cầu về bảo hành sản phẩm của dịch vụ, thời gian bảo hành, yêu cầu về khắc phục sự cố...</i> <i>Ví dụ điều khoản về bảo hành sản phẩm của dịch vụ:</i> - Thời hạn bảo hành là: _____ ngày [ghi số ngày]. - Địa điểm để áp dụng bảo hành là: _____ [ghi tên một hoặc một số địa điểm]. - Trường hợp phát hiện lỗi, khiếm khuyết của sản phẩm dịch vụ, chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các lỗi, khiếm khuyết đó. - Sau khi nhận được thông báo của chủ đầu tư về việc sản phẩm dịch vụ có lỗi, khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa, khắc phục trong thời hạn _____ ngày và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, khắc phục. - Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa, khắc phục trong thời hạn quy định tại hợp đồng, việc phạt, bồi thường hợp đồng thực hiện theo quy định tại Mục 17.
ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với HSMT, HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]
ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: _____ [Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu sửa đổi hợp đồng căn cứ yêu cầu cụ thể của nội dung điều chỉnh].
ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: _____ [ghi các trường hợp khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật].
ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: _____ [Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư].
ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong HSDT].
ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: _____ giá hợp đồng [Theo Mục 26.3 CDNT].
ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ : _____ [Ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)].

ĐKC 17	<i>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</i> - <i>Chỉ áp dụng phạt vi phạm hợp đồng.</i> - <i>Chỉ áp dụng bồi thường thiệt hại.</i> - <i>Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.</i> 1. Phạt vi phạm hợp đồng :__ [ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”]. <i>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</i> a) Nhà thầu bị phạt theo mức :_____ [Ghi cụ thể mức phạt theo ngày] cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng. Tổng số tiền phạt không vượt quá :_____ [Ghi cụ thể số tiền tối đa]. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu. b) Trường hợp chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu. 2. Bồi thường thiệt hại: __ [ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”]. <i>Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:</i> - <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</i> - <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường... phù hợp với pháp luật dân sự.</i>
ĐKC 19.1	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: _____ <i>[Ghi cụ thể những nội dung mà khi nhà thầu vi phạm thì chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng. Ví dụ: nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong HSDT hoặc</i>

	<i>nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương].</i>
ĐKC 20	Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư: _____ <i>[Ghi cụ thể những nội dung mà khi chủ đầu tư vi phạm thì nhà thầu có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng]</i>
ĐKC 22.2	Giải quyết tranh chấp: _____ <i>[Ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, cơ quan xử lý tranh chấp, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp... Khuyến khích đưa tranh chấp ra giải quyết tại cơ quan trọng tài].</i>
ĐKC 23.1	Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định: - Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____ - Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____

CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà áp dụng loại hợp đồng DVTV cho phù hợp.

Trường hợp hợp đồng có một hoặc nhiều hợp đồng bộ phận, chủ đầu tư vận dụng biểu mẫu hợp đồng DVTV loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo thời gian để xây dựng hợp đồng DVTV.

Khi sử dụng cần chú ý không được thay đổi ĐKCT, các điều khoản trong ĐKCT cần được thực hiện như mô tả trong ghi chú bằng chữ in nghiêng cho từng điều khoản.

THƯ CHẤP THUẬN HSĐT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*Tên nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: Thông báo chấp thuận HSĐT và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ [*Tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [*Tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận HSĐT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu ____ [*Tên, số hiệu gói thầu*] với giá hợp đồng là ____ [*Giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*Thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có) đối với trường hợp thương thảo hợp đồng trực tiếp;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

